

Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi Quốc tế (IADI)



BỘ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ

Tháng 11 năm 2014

(Đơn vị chuyển ngữ: Phòng NCTH&HTQT, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)

Mục lục

Các từ viết tắt

I. Giới thiệu

II Định nghĩa một số thuật ngữ chính

III. Rủi ro đạo đức, môi trường hoạt động và các yếu tố cần xem xét khác

Giảm thiểu rủi ro đạo đức

Môi trường hoạt động

1. Các điều kiện về kinh tế vĩ mô
2. Cấu trúc hệ thống tài chính
3. Điều tiết, giám sát an toàn và xử lý
4. Khuôn khổ luật pháp và hệ thống tư pháp
5. Chế độ kế toán và cung cấp thông tin

IV. Các vấn đề đặc biệt trong việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản

Các hệ thống bảo hiểm tiền gửi Hội giáo

Các hệ thống bảo hiểm tiền gửi phức hợp

Mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính

Ưu tiên người gửi tiền

V. Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp đánh giá tuân thủ

Nguyên tắc 1 – MỤC TIÊU CHÍNH SÁCH CÔNG

Nguyên tắc 2 – NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Nguyên tắc 3 – QUẢN TRỊ

Nguyên tắc 4 – MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC THÀNH VIÊN KHÁC TRONG MẠNG AN TOÀN TÀI CHÍNH

Nguyên tắc 5 – CÁC VẤN ĐỀ XUYÊN QUỐC GIA

Nguyên tắc 6 – VAI TRÒ CỦA TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI TRONG VIỆC LẬP KẾ HOẠCH DỰ PHÒNG VÀ QUẢN LÝ KHỦNG HOẢNG

Nguyên tắc 7 – CƠ CHẾ THÀNH VIÊN

Nguyên tắc 8 – PHẠM VI BẢO HIỂM

Nguyên tắc 9 – NGUỒN VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN

Nguyên tắc 10 – NHẬN THỨC CÔNG CHÚNG

Nguyên tắc 11 – BẢO VỆ PHÁP LÝ

Nguyên tắc 12 – XỬ LÝ CÁC BÊN CÓ LỖI TRONG ĐỒ VỠ NGÂN HÀNG

Nguyên tắc 13 - PHÁT HIỆN SỚM VÀ CAN THIỆP KỊP THỜI

Nguyên tắc 14 – XỬ LÝ ĐỒ VỠ

Nguyên tắc 15 – CHI TRẢ CHO NGƯỜI GỬI TIỀN

Nguyên tắc 16 – THU HỒI TÀI SẢN

Phụ lục 1

Đánh giá tuân thủ

Sử dụng phương pháp luận

Báo cáo đánh giá

Phụ lục 2

Tài liệu tham khảo

BẢN DỊCH CỦA DIVIA HỢP TÁC QUỐC TẾ BHTGVN

Các từ viết tắt

BCBS	Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng
BCP	Các nguyên tắc cơ bản Basel về giám sát ngân hàng hiệu quả
CBRG	Nhóm xử lý ngân hàng xuyên biên giới
DI	Tổ chức bảo hiểm tiền gửi
DICP	Các nguyên tắc cơ bản về bảo hiểm tiền gửi
DIS	Hệ thống bảo hiểm tiền gửi
EC	Ủy ban châu Âu
EFDI	Diễn đàn các tổ chức bảo hiểm tiền gửi châu Âu
FSAP	Chương trình đánh giá khu vực tài chính
FSB	Ban Ổn định tài chính
FSC	Ủy ban Ổn định tài chính
FSN	Mạng An toàn tài chính
IADI	Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế
IDIS	Hệ thống Bảo hiểm tiền gửi Hội giáo
IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
JWG	Nhóm làm việc chung
KAs	Các đặc điểm cơ bản của Cơ chế xử lý hiệu quả
MDIS	Hệ thống Bảo hiểm tiền gửi phức hợp
MOF	Bộ Tài chính
MOU	Biên bản ghi nhớ hợp tác
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
ROSC	Báo cáo về tuân thủ các tiêu chuẩn và bộ luật
SRR	Cơ chế xử lý đặc biệt

Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả

I. Giới thiệu

Hiệp hội bảo hiểm tiền gửi quốc tế (IADI) và Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng (BCBS) đã ấn hành *Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả* vào tháng 6/2009.¹ Tài liệu hướng dẫn *Phương pháp đánh giá mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả* được hoàn thành vào tháng 12 năm 2010. Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp đánh giá tuân thủ (gọi tắt là Bộ các nguyên tắc cơ bản) được nhiều quốc gia sử dụng như tiêu chuẩn để đánh giá chất lượng hoạt động của hệ thống bảo hiểm tiền gửi (BHTG), phát hiện những điểm hạn chế trong quá trình hoạt động và cách thức khắc phục. Bộ các nguyên tắc cơ bản cũng được Ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) sử dụng trong khuôn khổ Chương trình Đánh giá Lĩnh vực tài chính, để đánh giá hiệu quả của các hệ thống BHTG tại các quốc gia.

Các Nguyên tắc cơ bản được thiết kế để phản ánh và thích ứng với các điều kiện, bối cảnh và cơ cấu khác nhau của từng quốc gia. Các nguyên tắc cơ bản được thiết kế như một khung hướng dẫn để hỗ trợ thực hiện các thông lệ BHTG hiệu quả. Các quốc gia có thể tự áp dụng các biện pháp bổ sung khi thấy cần thiết để xây dựng hệ thống BHTG hiệu quả của quốc gia mình.

Việc đánh giá mức độ tuân thủ Bộ các nguyên tắc cơ bản có thể là một công việc hữu ích đối với các quốc gia đang trong quá trình triển khai, rà soát hoặc chủ động cải cách hệ thống BHTG. Một đánh giá toàn diện, đáng tin cậy và hướng đến hành động cần tập trung vào hệ thống BHTG và mối quan hệ của hệ thống này với các chức năng của mạng an toàn tài chính hỗ trợ cho hệ thống. Việc đánh giá các chức năng rộng hơn của mạng an toàn tài chính (tức là môi trường hoạt động) phần lớn không thuộc trách nhiệm của tổ chức BHTG, tuy nhiên, có thể vẫn có ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng tổ chức BHTG hoàn thành nhiệm vụ của mình. Việc đánh giá hệ thống BHTG cần phát hiện những điểm mạnh, yếu tồn tại trong hệ thống và hình thành cơ sở cho các biện pháp khắc phục của tổ chức BHTG và các nhà hoạch định chính sách (ví dụ các cơ quan chính phủ hoặc, nếu là hệ thống tư nhân, là các ngân hàng thành viên), sau khi đã xem xét các đặc điểm về pháp lý, tổ chức và cơ cấu của từng hệ thống BHTG quốc gia.

¹ Tháng 7/2008, Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng (BCBS) và IADI đã hợp tác phát triển một bộ nguyên tắc cơ bản được thống nhất rộng rãi trên thế giới về BHTG dựa trên Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả của IADI (tháng 2/2008). Một nhóm làm việc hỗn hợp, bao gồm đại diện của Nhóm xử lý ngân hàng xuyên biên giới của BCBS (CBRG) và Nhóm hướng dẫn của IADI đã được thành lập với nhiệm vụ xây dựng các Nguyên tắc cơ bản, trình lên BCBS và IADI để hai cơ quan này xem xét và xét duyệt. Việc xây dựng Tài liệu tư vấn- Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả- được hoàn thành vào tháng 3 năm 2009 và được cộng đồng quốc tế thông qua vào tháng 6 năm 2009.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-09 đã đem lại các bài học chính sách quan trọng cho các hệ thống BHTG. Diễn biến của cuộc khủng hoảng cho thấy tầm quan trọng của việc duy trì niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống tài chính và vai trò trọng yếu của việc bảo vệ tiền gửi để duy trì niềm tin này. Việc tăng hạn mức bảo hiểm tiền gửi và củng cố các cơ chế cấp vốn giúp hỗ trợ ổn định tài chính tại nhiều quốc gia. Ở một số quốc gia, cơ chế đảm bảo toàn bộ đã được áp dụng. Dù dưới bất cứ hình thức bảo vệ nào, các nhà hoạch định chính sách đều đã nhận thấy tầm quan trọng của việc đảm bảo niềm tin của người gửi tiền. Sau khủng hoảng, một số tổ chức BHTG đã được mở rộng nhiệm vụ và được bổ sung các công cụ xử lý ngoài chức năng trả tiền cho người gửi tiền. Dựa trên khảo sát gần đây của IADI, tỉ lệ phần trăm các tổ chức BHTG có vai trò trong xử lý đã tăng từ khoảng 50% năm 2005 lên gần 65% năm 2011.²

Những bài học này có những hàm ý quan trọng đối với Bộ các nguyên tắc cơ bản và đã tạo ra bối cảnh và môi trường cho việc sửa đổi Bộ các nguyên tắc cơ bản. Việc đảm bảo cho tổ chức BHTG có sự độc lập cần thiết về mặt hoạt động nhằm hoàn thành nhiệm vụ của mình đã được lưu tâm và nhấn mạnh nhiều hơn. Cuộc khủng hoảng cũng cho thấy nhu cầu của các tổ chức BHTG cần có thêm những công cụ bổ sung và khả năng tích hợp tốt hơn vào mạng an toàn tài chính.

Trên cơ sở những diễn biến nói trên và kinh nghiệm sử dụng Bộ các nguyên tắc cơ bản cũng như việc hoàn thiện quy định ở phạm vi quốc tế, IADI đã lập Ban chỉ đạo nội bộ để rà soát, cập nhật Bộ các nguyên tắc cơ bản và xây dựng bộ các đề xuất sửa đổi vào tháng 2/2013. Trong khi rà soát, Ban này đã xem xét các yếu tố sau: kinh nghiệm của các nước thu được khi sử dụng Bộ các nguyên tắc cơ bản để tự đánh giá và sử dụng trong khuôn khổ FSAP; các diễn biến nổi bật về mặt quy định như việc xây dựng *Các đặc điểm cơ bản của cơ chế xử lý hiệu quả* của Ban ổn định tài chính (FSB), hướng dẫn hoàn thiện do IADI xây dựng để giải quyết các khuyến nghị trong *Đánh giá chuyên đề về BHTG* của FSB; hướng dẫn của IADI liên quan tới các hệ thống BHTG Hội giáo; và các vấn đề về mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính.³

Đề xuất của IADI đã được gửi cho Nhóm làm việc hỗn hợp (JWG)⁴ - gồm đại diện của BCBS, Diễn đàn Châu Âu của các tổ chức BHTG (EFDI) và Ủy ban Châu Âu (EC), FSB, IMF và Ngân hàng thế giới – như là điểm bắt đầu cho việc phối hợp cùng xây dựng một bộ sửa đổi các Nguyên tắc cơ bản (được giới thiệu sau đây, trong tài liệu này). Trong khi thực hiện việc rà soát, JWG đã cố gắng đạt được cân bằng tối ưu giữa việc nâng chuẩn của các hệ thống BHTG hiệu quả và vẫn giữ cho Bộ các nguyên

² Xem IADI, *Khảo sát thường niên*, 2013 và FSB, *Đánh giá chuyên đề về BHTG*, 2012

³ Xem FSB, *Các đặc điểm cơ bản của cơ chế xử lý hiệu quả các tổ chức tài chính*, 2011; IADI Tài liệu hướng dẫn cập nhật về rủi ro đạo đức, phạm vi bảo hiểm, các hệ thống và các thông lệ trả tiền bảo hiểm, tăng cường nhận thức công chúng, 2012/13; FSB, *Đánh giá chuyên đề về BHTG*, 2012; và IADI Tài liệu thảo luận về *Bảo hiểm tiền gửi nhìn từ quan điểm luật Hội giáo*, 2010.

⁴ Xem Phụ lục II danh sách các thành viên của Ban chỉ đạo và Nhóm làm việc hỗn hợp

tắc cơ bản là một tiêu chuẩn linh hoạt, có thể áp dụng ở phạm vi quốc tế. Bộ các nguyên tắc cơ bản sửa đổi vẫn tiếp tục được thiết kế để phù hợp với các hệ thống bảo hiểm tiền gửi khác nhau.

Bộ các nguyên tắc cơ bản trước đây đã hỗ trợ tốt cho các quốc gia đánh giá hệ thống BHTG của mình và phát hiện các vấn đề cần cải thiện. Trong khi vẫn cố gắng duy trì sự liên mạch và tính tương thích, Các nguyên tắc cơ bản và Phương pháp đánh giá tuân thủ đã được gộp lại thành một tài liệu toàn diện duy nhất. Bộ các nguyên tắc cơ bản sửa đổi cũng đã được tổ chức lại theo một cấu trúc hợp lý hơn. Một số thay đổi đáng lưu ý là:

- Cải thiện sự rõ ràng và nhất quán về thuật ngữ;
- Giám sự trùng lặp của một số nguyên tắc cơ bản;
- củng cố các nguyên tắc cơ bản về một số vấn đề (chẳng hạn quản trị, chi trả cho người gửi tiền, phạm vi bảo hiểm, cấp vốn) và tăng cường an toàn sử dụng quỹ bảo hiểm tiền gửi;
- Tích hợp thêm các hướng dẫn cập nhật của IADI về trả tiền bảo hiểm, nhận thức công chúng, phạm vi bảo hiểm, rủi ro đạo đức và cấp vốn;
- Giải quyết các vấn đề rủi ro đạo đức trong tất cả các nguyên tắc có liên quan thay vì hạn chế hướng dẫn về rủi ro đạo đức trong duy nhất một nguyên tắc;
- Cập nhật Các nguyên tắc cơ bản liên quan tới can thiệp và xử lý đổ vỡ để phản ánh vai trò lớn hơn của nhiều tổ chức BHTG trong các cơ chế xử lý và đảm bảo sự nhất quán của Bộ nguyên tắc cơ bản với Bộ Các đặc điểm cơ bản của FSB;
- Thêm hướng dẫn về vai trò của tổ chức BHTG trong công tác chuẩn bị và quản lý khủng hoảng;
- Tích hợp các vấn đề liên quan đến hoạt động của hệ thống BHTG Hội giáo;
- Cập nhật và củng cố Các nguyên tắc cơ bản liên quan đến các vấn đề BHTG xuyên biên giới;
- Thêm hướng dẫn về vận hành nhiều hệ thống BHTG trong cùng một quốc gia; và
- Nâng cấp một số tiêu chuẩn bổ sung thành tiêu chuẩn cơ bản đồng thời thêm một số tiêu chuẩn đánh giá cần thiết.

Kết quả của việc rà soát này là số các Nguyên tắc cơ bản đã giảm từ 18 xuống 16, bao gồm 96 tiêu chuẩn đánh giá. 6 tiêu chuẩn bổ sung đã được nâng cấp thành tiêu chuẩn cơ bản.

Bộ các nguyên tắc cơ bản sửa đổi tiếp tục đưa ra một tiêu chuẩn toàn diện cho việc thiết lập hoặc củng cố hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả. Do tầm quan trọng của việc thực hiện các tiêu chuẩn một cách nhất quán và hiệu quả, IADI khuyến khích các

quốc gia thực hiện Bộ các nguyên tắc cơ bản sửa đổi có sự phối hợp giữa các thành viên của mạng an toàn tài chính.

II. Định nghĩa một số thuật ngữ chính

“**Ngân hàng**” là bất cứ tổ chức nào nhận tiền gửi hoặc các khoản vốn phải hoàn trả từ công chúng và được xếp loại là tổ chức nhận tiền gửi theo quy định pháp luật. “**Bảo đảm toàn bộ**” được định nghĩa là tuyên bố của cơ quan có thẩm quyền rằng, ngoài việc bảo vệ bằng hạn mức bảo hiểm tiền gửi hoặc các cơ chế khác, một số loại tiền gửi nhất định và có thể các công cụ tài chính khác cũng sẽ được bảo vệ.

“**Ngân hàng bắc cầu**” là tổ chức được thành lập để tạm thời tiếp nhận và duy trì một số tài sản có, tài sản nợ và nghiệp vụ của một ngân hàng đổ vỡ như là một phần của quá trình xử lý.

“**Bảo hiểm tiền gửi**” được định nghĩa là một hệ thống được thiết lập để bảo vệ người gửi tiền khỏi những tổn thất về tiền gửi được bảo hiểm của họ khi một ngân hàng không có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ của mình đối với người gửi tiền.

“**Tổ chức BHTG**” là một thực thể pháp lý chịu trách nhiệm cung cấp bảo hiểm tiền gửi, đảm bảo tiền gửi hoặc các cơ chế bảo vệ tiền gửi tương tự khác.

“**Hệ thống BHTG**” là tổ chức bảo hiểm tiền gửi và mối quan hệ của tổ chức này với các thành viên của mạng an toàn tài chính hỗ trợ chức năng bảo hiểm tiền gửi và các quá trình xử lý.

“**Ưu tiên người gửi tiền**” có nghĩa là ưu tiên thanh toán cho các nghĩa vụ về tiền gửi hơn các chủ nợ thông thường khác từ số tiền thu được sau khi thanh lý tài sản của một ngân hàng mất khả năng thanh toán. Người gửi tiền phải được trả tiền đầy đủ trước khi các chủ nợ còn lại có thể nhận được phần của mình. Ưu tiên người gửi tiền có thể có một số dạng khác nhau, ví dụ:

- Ưu tiên người gửi tiền trong nước trao quyền ưu tiên cho tiền gửi được ghi sổ và thanh toán trong nội bộ quốc gia đó và không mở rộng cho tiền gửi tại các chi nhánh ở nước ngoài.
- Ưu tiên người gửi tiền đủ điều kiện trao quyền ưu tiên cho tất cả các loại tiền gửi đáp ứng đầy đủ các điều kiện về phạm vi BHTG.
- Ưu tiên cho người gửi tiền được bảo hiểm trao quyền ưu tiên cho người gửi tiền được bảo hiểm (và tổ chức BHTG được thay mặt người gửi tiền đòi nợ).
- Khái niệm về ưu tiên 2 cấp, theo đó, tiền gửi đủ điều kiện nhưng không nằm trong phạm vi BHTG sẽ được ưu tiên hơn nợ của các chủ nợ không được ưu tiên, không được đảm bảo thông thường, người gửi tiền được bảo hiểm được ưu tiên hơn người gửi tiền đủ điều kiện; và

- Ưu tiên người gửi tiền nói chung, theo đó, tất cả tiền gửi được ưu tiên hơn nợ của các chủ nợ không được ưu tiên, không được đảm bảo thông thường, bất kể địa vị của họ (được bảo hiểm/không được bảo hiểm hay đủ điều kiện/không đủ điều kiện).

“Hệ thống phí phân biệt” (hoặc “phí trên cơ sở rủi ro”) là hệ thống tính phí có phân biệt các mức phí trên cơ sở các tiêu chuẩn như hồ sơ rủi ro của từng ngân hàng.

“Cấp vốn trước” là việc định kỳ thu phí nhằm mục đích tích lũy nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ trong tương lai (ví dụ trả tiền bảo hiểm) và trang trải các chi phí hoạt động và chi phí khác có liên quan của tổ chức BHTG.

“Cấp vốn sau” là các hệ thống trong đó nguồn vốn để chi cho các nghĩa vụ BHTG chỉ được thu từ các ngân hàng còn lại sau khi một ngân hàng đổ vỡ.

“Mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính” để chỉ mức độ mà các cá nhân và tổ chức có thể tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính chính thức.

“Mạng an toàn tài chính” được định nghĩa là các chức năng: quản lý an toàn, giám sát, xử lý, người cho vay cuối cùng và bảo hiểm tiền gửi. Tại nhiều quốc gia, một cơ quan của chính phủ (thường là Bộ Tài chính hoặc Ngân khố chịu trách nhiệm về chính sách khu vực tài chính) cũng nằm trong mạng an toàn tài chính.

“Thích hợp và đúng đắn” để chỉ các cuộc kiểm tra độ thích hợp, thường được sử dụng để đánh giá trình độ chuyên môn của các nhà quản lý và giám đốc và khả năng hoàn thành trách nhiệm thuộc vị trí của họ, trong khi đó, các cuộc kiểm tra tính đúng đắn nhằm đánh giá tính chính trực và phù hợp của họ. Bằng cấp chính thức, kinh nghiệm trước đây và sơ yếu lý lịch là một số thành phần được lưu ý khi các cơ quan quản lý đánh giá trình độ. Để đánh giá tính chính trực và phù hợp, các yếu tố lưu ý là: tiền án tiền sự, tình trạng tài chính, hành động pháp lý dân sự đối với cá nhân để thu hồi nợ cá nhân, bị từ chối gia nhập, hoặc bị cho ra khỏi các tổ chức nghề nghiệp, bị hạn chế bởi các cơ quan quản lý của các lĩnh vực tương tự, và các công việc kinh doanh đáng ngờ trước đây.

“Thanh lý” (hoặc “tiếp nhận”) là việc đóng cửa các công việc kinh doanh hay nghiệp vụ của một ngân hàng bị đổ vỡ thông qua việc bán một cách có trật tự các tài sản của ngân hàng này sau khi giấy phép ngân hàng đã bị thu hồi và được đặt vào tình trạng tiếp nhận. Tại phần lớn các nước, thuật ngữ này tương tự với thuật ngữ “tiếp nhận”.

“Tổ chức thanh lý” (hoặc “tổ chức tiếp nhận”) chỉ một thực thể pháp lý thực hiện việc đóng cửa một ngân hàng đổ vỡ và bán tài sản của ngân hàng này.

“Nhiệm vụ” của tổ chức BHTG là tập hợp các chỉ dẫn chính thức mô tả các vai trò và trách nhiệm của tổ chức BHTG. Không có một hay một bộ nhiệm vụ nào phù hợp với tất cả các tổ chức BHTG. Khi trao một nhiệm vụ cho tổ chức BHTG, hoàn cảnh cụ thể của quốc gia cần phải được xem xét. Các nhiệm vụ có thể bao gồm từ “chi trả” đơn

thuần cho đến các trách nhiệm rộng như hành động ngăn ngừa và giảm thiểu/quản lý rủi ro hay tổn thất và có thể kết hợp của những hình thức kể trên. Nói chung, có thể phân chia thành 4 loại:

- a) Nhiệm vụ “chi trả”, theo đó tổ chức BHTG chỉ chịu trách nhiệm thanh toán cho tiền gửi được bảo hiểm;
- b) Nhiệm vụ “chi trả mở rộng”, tổ chức BHTG có thêm các trách nhiệm như các chức năng xử lý (ví dụ hỗ trợ tài chính);
- c) Nhiệm vụ “giảm thiểu tổn thất”, tổ chức BHTG chủ động tham gia vào việc lựa chọn chiến lược xử lý với chi phí nhỏ nhất; và
- d) Nhiệm vụ “giảm thiểu rủi ro”, tổ chức BHTG có các chức năng giảm thiểu rủi ro toàn diện bao gồm: quản lý/đánh giá rủi ro, một bộ đầy đủ các quyền về can thiệp sớm và xử lý, trong một số trường hợp có cả chức năng giám sát an toàn.

“**Rủi ro đạo đức**” xuất hiện khi các bên có động cơ để chấp nhận rủi ro nhiều hơn vì chi phí phát sinh từ rủi ro này do các bên khác chịu toàn bộ hoặc một phần.

“**Mục tiêu chính sách công**” chỉ các mục tiêu mà hệ thống BHTG được kỳ vọng sẽ đạt được.

“**Xử lý**” là quy trình và kế hoạch bán tài sản của một ngân hàng mất khả năng hoạt động. Xử lý có thể gồm: thanh lý và trả tiền cho người gửi tiền, chuyển giao và/hoặc bán tài sản có và nợ, thiết lập một tổ chức bắc cầu tạm thời và xóa nợ hoặc chuyển thành vốn chủ sở hữu. Xử lý có thể bao gồm việc áp dụng các thủ tục theo luật phá sản đối với các phần của một thực thể trong quá trình xử lý, cùng với việc thi hành các thẩm quyền về xử lý.

“**Sự thế quyền**” là việc thay thế của một bên (ví dụ tổ chức BHTG) đối với một bên khác (ví dụ người gửi tiền được bảo hiểm) liên quan đến khiếu nại, yêu cầu hoặc quyền mang tính pháp lý, để bên thay thế có thể kế tục quyền của bên được thay thế đối với nợ, yêu cầu thanh toán, quyền lợi và các khoản được đền bù khác của họ.

“**Quy mô quỹ mục tiêu**” để chỉ quy mô của quỹ BHTG được lập trước, thường được xác định bằng một phần của cơ sở tính phí (ví dụ cơ sở tính phí có thể là tổng số dư tiền gửi hoặc tiền gửi được bảo hiểm), với quy mô đủ để đáp ứng các nghĩa vụ dự kiến trong tương lai và để trang trải các chi phí hoạt động và chi phí có liên quan của tổ chức BHTG.

III. Rủi ro đạo đức, Môi trường hoạt động và các yếu tố cần xem xét khác

Giảm thiểu rủi ro đạo đức

Một mạng an toàn tài chính được thiết kế tốt đóng góp vào sự ổn định của hệ thống tài chính. Tuy nhiên, nếu được thiết kế không tốt, mạng có thể sẽ làm tăng rủi ro, đáng

chú ý là rủi ro đạo đức. Rủi ro đạo đức xuất hiện khi các bên có động cơ để chấp nhận rủi ro nhiều hơn vì chi phí phát sinh từ rủi ro này do các bên khác chịu toàn bộ hoặc một phần. Trong bối cảnh của BHTG, bảo vệ người gửi tiền khỏi nguy cơ tổn thất (ví dụ thông qua cơ chế BHTG có hạn mức công khai hoặc qua niềm tin rằng các ngân hàng sẽ không được phép đổ vỡ) cách ly người gửi tiền với các hậu quả của các hoạt động ngân hàng thiếu an toàn và lành mạnh, do đó, có thể dẫn tới việc ngân hàng chấp nhận rủi ro lớn hơn thông thường.

BHTG, như bất kỳ hệ thống bảo hiểm nào, phải được thiết kế để giảm thiểu tác động của rủi ro đạo đức đến hành vi của cổ đông, người quản lý ngân hàng và người gửi tiền, trong khi vẫn công nhận rằng đa số người gửi tiền thường ít có khả năng phân biệt giữa ngân hàng an toàn và không an toàn. Việc giảm thiểu này là một chức năng của thiết kế tổng thể hệ thống BHTG. Rủi ro đạo đức có thể được giảm thiểu bởi các thành viên khác của mạng an toàn tài chính.

Cụ thể hơn:

- Các đặc điểm thiết kế chính của hệ thống BHTG, trình bày trong Các nguyên tắc cơ bản dưới đây, nhằm giảm thiểu rủi ro đạo đức. Một số ví dụ như: Các hạn mức và phạm vi bảo hiểm; phí phân biệt; can thiệp kịp thời và xử lý của tổ chức BHTG hay của thành viên khác có thẩm quyền của mạng an toàn.
- Mạng an toàn tài chính tạo ra và hỗ trợ các sáng kiến thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro đạo đức thông qua một số cơ chế, bao gồm: thúc đẩy việc quản trị công ty tốt và quản lý rủi ro một cách lành mạnh tại từng ngân hàng; buộc các bên gây ra lỗi phải chịu tổn thất; kỷ luật thị trường hiệu quả; và việc xây dựng cũng như thực thi các quy định và điều luật về điều tiết an toàn, giám sát và xử lý.

Việc đánh giá mức độ rủi ro đạo đức ảnh hưởng đến hệ thống BHTG được tiến hành dựa trên đánh giá tổng thể về hiệu quả của giám sát, khuôn khổ pháp lý, và các cơ chế cảnh báo sớm, can thiệp và xử lý.

Môi trường hoạt động

Hiệu quả của một hệ thống BHTG chịu tác động không chỉ bởi các đặc điểm thiết kế mà còn bởi môi trường hoạt động của hệ thống. Môi trường hoạt động bao gồm các điều kiện kinh tế vĩ mô, tính độc lập, cấu trúc của hệ thống tài chính, vấn đề giám sát và điều tiết an toàn, khuôn khổ tòa án và luật pháp, hệ thống công bố thông tin và kế toán. Môi trường hoạt động phần lớn nằm ngoài phạm vi thẩm quyền của tổ chức BHTG. Tuy nhiên, nó lại ảnh hưởng đến khả năng hoàn thành nhiệm vụ của tổ chức BHTG và phần nào đó quyết định hiệu quả của việc bảo vệ người gửi tiền và đóng góp vào ổn định tài chính quốc gia. Tuy môi trường hoạt động không được đánh giá chính thức (và không có việc xác định tuân thủ một cách tương ứng) nhưng môi trường hoạt động tạo nên nền tảng cho việc đánh giá tuân thủ bộ Các nguyên tắc cơ

bản. Các điều kiện nêu ở phần này phải được phân tích kỹ lưỡng nhằm đánh giá chính xác tính thích hợp và hiệu quả của thiết kế và hoạt động của toàn bộ hệ thống BHTG. Các hệ thống BHTG được thiết kế giống nhau có thể có tác động rất khác nhau đến sự ổn định tài chính và bảo vệ người gửi tiền, phản ánh sự khác nhau trong môi trường mà các hệ thống này hoạt động.

1. Các điều kiện kinh tế vĩ mô

Các điều kiện kinh tế vĩ mô ảnh hưởng đến hiệu quả của các thị trường, khả năng tác động của hệ thống tài chính đối lên các nguồn lực trung gian và tăng trưởng kinh tế. Mất ổn định lâu dài cản trở sự vận hành của các thị trường và các điều kiện như vậy ảnh hưởng đến khả năng của các tổ chức tài chính trong việc tiếp nhận và quản lý rủi ro. Trong thời kỳ bất ổn kinh tế, các biến động của thị trường có thể dẫn đến các cuộc rút vốn gây mất ổn định của người cho vay (bao gồm cả người gửi tiền). Hơn nữa, sự không chắc chắn về các diễn biến tương lai trong giá tương đối, bao gồm cả giá tài sản và tỉ giá có thể làm cho việc xác định khả năng tồn tại trong trung hạn của một tổ chức trở nên khó khăn.

Trong giai đoạn ổn định, Bộ nguyên tắc cơ bản cung cấp hướng dẫn về các đặc điểm tối thiểu của một hệ thống BHTG hiệu quả. Hệ thống BHTG hiệu quả hỗ trợ niềm tin người gửi tiền khi có các vụ đổ vỡ ngân hàng riêng lẻ. Trong giai đoạn mất ổn định kinh tế vĩ mô kéo dài, Bộ nguyên tắc cơ bản cung cấp hướng dẫn về các vấn đề mà một hệ thống BHTG sẽ cần phải củng cố nhằm hỗ trợ mạnh mẽ cho người gửi tiền. Hệ thống có thể cần có một loạt sự tăng cường, gồm quỹ dự trữ lớn hơn thông thường, các giải pháp cấp vốn khẩn cấp mạnh mẽ hơn, hợp tác chặt chẽ và có sự tham gia của các thành viên khác của mạng an toàn trong việc tăng cường ổn định tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng hệ thống BHTG trong các điều kiện này sẽ phải được xem xét cẩn thận vì một hệ thống mới nếu không được hỗ trợ bằng các cải cách thể chế cần thiết có thể sẽ bị mất uy tín và thất bại trong việc củng cố niềm tin của người gửi tiền.

Các đánh giá về các điều kiện kinh tế vĩ mô tại một quốc gia có trong các báo cáo quốc gia của các tổ chức quốc tế như IMF, Ngân hàng thế giới và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Các báo cáo này gồm phân tích về các điều kiện kinh tế trong thời gian qua và dự báo xu hướng của các biến số kinh tế vĩ mô trong tương lai.

2. Cấu trúc hệ thống tài chính

Sự lành mạnh của một hệ thống tài chính ảnh hưởng đến các đặc điểm thiết kế phù hợp của một hệ thống BHTG. Khi đánh giá một hệ thống BHTG, cần xem xét cả tình trạng lành mạnh và cấu trúc của hệ thống tài chính, và các yêu cầu có thể xảy ra của hệ thống tài chính đối với tổ chức BHTG. Các yếu tố chính cần xem xét gồm:

1. Đánh giá năng lực hoạt động của các ngân hàng dựa trên cơ sở đánh giá mức đủ vốn, khả năng thanh khoản, chất lượng tín dụng của hệ thống tài chính. Các nguồn

lực của tổ chức BHTG, khả năng của tổ chức trong việc xác định các nguy cơ xuất hiện và mối quan hệ với các thành viên mạng an toàn tài chính khác phải đầy đủ. Tương tự, sự phân bổ hoặc cơ cấu các loại tiền gửi, các quy định về phạm vi bảo hiểm và chi trả sẽ ảnh hưởng đến cách thức tổ chức BHTG duy trì các nguồn lực.

2. Cấu trúc hệ thống tài chính thể hiện qua số lượng, loại hình và đặc điểm của các ngân hàng, loại hình tiền gửi và người gửi tiền được bảo vệ. Những thông tin này sẽ giúp ích cho việc đánh giá năng lực và tính hiệu quả của tổ chức BHTG. Mức độ liên kết, cạnh tranh và tập trung trong hệ thống tài chính sẽ ảnh hưởng đến khả năng lan truyền và các chấn động mang tính hệ thống. Các ngân hàng được giám sát không tốt sẽ dẫn tới các rủi ro không được phát hiện đối với hệ thống tài chính, và những rủi ro này có thể trở thành hiện thực một cách bất ngờ. Hệ thống BHTG nên được thiết kế dựa trên cơ sở xem xét các rủi ro này.
3. Các cơ chế bảo vệ người gửi tiền trước đó (ví dụ các cơ chế ưu tiên người gửi tiền và bảo vệ tổ chức) và tác động của các cơ chế này đến việc áp dụng hay cải cách hệ thống BHTG.

Mô tả về hệ thống tài chính có thể từ nhiều nguồn khác nhau. Bản thân quốc gia cần đánh giá sự vững mạnh và sự an toàn của hệ thống tài chính dù cho thông tin cụ thể về các tổ chức có thể không được công khai. Thêm vào đó, các báo cáo quốc gia của các tổ chức quốc tế như IMF, Ngân hàng thế giới, FSB hay OECD cũng có các mô tả về hệ thống tài chính và các khuyến nghị để xử lý rủi ro và các khiếm khuyết.

3. Điều tiết, giám sát an toàn và xử lý

Việc đảm bảo điều tiết, giám sát an toàn và cơ chế xử lý vững mạnh có ảnh hưởng đến các chức năng và hiệu quả của hệ thống BHTG. Điều tiết và giám sát an toàn hiệu quả đảm bảo các điểm yếu của một tổ chức được phát hiện và khắc phục kịp thời. Việc thực hiện các biện pháp khắc phục sẽ được giám sát, và nếu cần có thể tiến hành can thiệp sớm và xử lý hiệu quả để giúp hạ thấp chi phí phát sinh do đổ vỡ ngân hàng. Sự vững mạnh của điều tiết và giám sát an toàn là yếu tố then chốt cho việc giảm thiểu rủi ro đạo đức. Nếu các cổ đông và người quản lý của một tổ chức thấy họ có thể điều hành tổ chức của mình theo phương thức không an toàn và lành mạnh và không có kỷ luật thị trường hiệu quả, cơ quan giám sát sẽ trở thành tuyến phòng thủ cuối cùng chống lại các hoạt động sai trái. Khi không có sự điều tiết và giám sát vững mạnh, rủi ro đối với tổ chức BHTG không thể được nhận thức đầy đủ hoặc được giảm thiểu. Việc can thiệp vào các ngân hàng yếu kém bị chậm trễ có thể làm tăng chi phí xử lý và tăng chi phí phát sinh cho tổ chức BHTG. Cơ quan giám sát cần có cơ chế cấp phép và cấp đăng ký hiệu quả cho tổ chức mới, thực hiện các cuộc kiểm tra kỹ lưỡng theo định kỳ từng ngân hàng và có hệ thống cảnh báo sớm hiệu quả. Tất cả các ngân hàng nằm trong mạng an toàn cần phải tuân theo một chế độ xử lý hiệu quả. Cần quản trị tốt

các tổ chức tạo nên mạng an toàn tài chính để tăng cường cấu trúc của hệ thống tài chính và đóng góp trực tiếp vào ổn định tài chính.

Hệ thống điều tiết, giám sát an toàn và cơ chế xử lý cần tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, gồm cả Các nguyên tắc cơ bản giám sát ngân hàng hiệu quả của BCBS và Các đặc điểm cơ bản của các cơ chế xử lý hiệu quả của FSB. Việc đánh giá tuân thủ được thực hiện trong khuôn khổ FSAP của IMF/Ngân hàng thế giới. Nếu không có các đánh giá bên ngoài, chẳng hạn như đánh giá FSAP hay FSB, các quốc gia có thể tự đánh giá hay lập báo cáo trình bày cơ cấu hiện hành và các khoảng cách so với các tiêu chuẩn quốc tế.

4. Khuôn khổ pháp luật và hệ thống tư pháp

Các hệ thống BHTG không thể hiệu quả nếu không có đầy đủ các luật có liên quan hoặc khi trong hệ thống pháp lý có sự thiếu nhất quán đáng kể. Khuôn khổ pháp lý có tác động đến các hoạt động của hệ thống BHTG. Một khuôn khổ pháp lý được xây dựng tốt cần có một hệ thống các luật kinh doanh bao gồm luật công ty, luật phá sản, các quy định về hợp đồng, quyền của chủ nợ, bảo vệ người tiêu dùng, chống tham nhũng/lừa đảo và sở hữu tài sản tư nhân. Các luật hướng dẫn các giao dịch tài chính và đảm bảo các tiêu chuẩn tồn tại và được thực thi. Hệ thống luật pháp cần được hỗ trợ bởi hệ thống tòa án hoạt động tốt. Đối với hệ thống BHTG, khuôn khổ pháp lý phải nêu rõ các quyền phù hợp và cho phép hệ thống BHTG buộc các ngân hàng thành viên phải tuân thủ các quy định về nghĩa vụ với tổ chức BHTG.

Luật phá sản ngân hàng hiệu quả bao gồm một cơ chế xử lý đặc biệt (SRR) đối với ngân hàng, tách biệt khỏi các luật về phá sản công ty nói chung⁵. Các luật phá sản công ty có thể cho phép việc giải quyết qua thương lượng, trong đó công ty yếu kém có thể tái cơ cấu tài chính, tái tổ chức các hoạt động, giảm các nghĩa vụ nợ và thay đổi thời hạn trả nợ. Các biện pháp này cho công ty thời gian để gây dựng lại khả năng sinh lợi. Tuy nhiên, tình trạng tài chính của một ngân hàng có thể xấu đi nhanh chóng, làm lây lan sang các tổ chức tài chính khác và ảnh hưởng đến ổn định tài chính. Khi các tổ chức này được xử lý thông qua luật phá sản công ty nói chung, thường có cơ hội cho các cổ đông và/hoặc chủ nợ kháng lại phán quyết. Luật phá sản công ty nói chung của nhiều quốc gia cho các cổ đông và/hoặc chủ nợ một vài tuần để kháng lại phán quyết và thêm vài tuần cho thẩm phán tòa án phá sản xem xét đưa ra quyết định cuối cùng. Trong những trường hợp như vậy, việc này dẫn đến ngừng trả tiền gửi một cách không chính thức, tăng khả năng lây lan và rút tiền gửi hàng loạt tại các (có thể là tất cả) tổ chức khác.

Do đó, cần có một Cơ chế xử lý đặc biệt để các cơ quan có thẩm quyền về xử lý có thể hành động kịp thời, hạn chế lây lan và duy trì ổn định tài chính. Chế độ như vậy cho

⁵ Nguyên tắc này nhất quán với FSB, *Các đặc điểm cơ bản của cơ chế xử lý hiệu quả các tổ chức tài chính*, 2011.

phép cơ quan xử lý giải quyết các hợp đồng tài chính, các thanh toán chưa được giải quyết và các giao dịch chứng khoán, thế chấp tài chính cũng như chỉ định tổ chức quản lý và/hoặc tổ chức thanh lý. Hơn nữa, luật phá sản đặc biệt có thể cho việc thế quyền của tổ chức BHTG đối với các khoản yêu cầu thanh toán của người gửi tiền mà tổ chức BHTG đã trả cho họ. Một cơ chế xử lý đặc biệt cũng quan trọng trong việc đảm bảo sự nhất quán giữa các chức năng liên quan đến phá sản và giám sát của các cơ quan thuộc mạng an toàn tài chính. Việc dựa vào Cơ chế xử lý đặc biệt trao quyền ra quyết định vào tay các chuyên gia trong lĩnh vực này, cho phép họ hành động nhanh chóng hơn. Các cổ đông và chủ nợ vẫn có thể tiến hành các thủ tục pháp lý và cơ hội để tòa xem xét lại phán quyết; tuy nhiên việc kháng cáo nếu có thành công thì cũng chỉ giới hạn ở việc đền bù tiền và không thể làm đảo ngược các hành động của các cơ quan xử lý hoặc giám sát.

Hệ thống pháp lý có thể có một số điểm yếu gây ra hiệu quả hạn chế. Ví dụ, sự không chắc chắn về pháp lý có thể làm trầm trọng hơn những khó khăn về tài chính và dẫn tới sự cố lầy lán trong hệ thống hoặc các cuộc đấu tranh của chủ nợ. Điểm yếu trong khuôn khổ luật pháp có thể làm giảm hiệu quả của mạng an toàn nói chung và hệ thống BHTG nói riêng. Các điểm yếu có thể tồn tại trong các luật điều chỉnh quyền sở hữu tài sản, quyền của chủ nợ, phá sản ngân hàng và xử lý. Tác động của các điểm yếu này gồm sự chậm trễ trong việc ra quyết định, sự bất trắc về tính dứt khoát của các quyết định, và giải quyết xung đột không chính thức, tất cả có thể dẫn tới việc thu hồi từ tài sản thanh lý sẽ không đạt hiệu quả tối ưu, tăng tổn thất/chi phí đối với hệ thống BHTG. Vì vậy một khuôn khổ pháp lý hiệu quả và vững mạnh là cần thiết để giảm thiểu rủi ro đạo đức.

Hiệu quả của hệ thống luật pháp thường được lưu ý tại các báo cáo của IMF, WB và FSB. Các luật sư địa phương cũng có hiểu biết về độ dài thời gian các vụ kiện diễn ra, khả năng và thẩm quyền của tòa án để thay đổi quyết định của cơ quan quản lý, sự tin cậy của thủ tục pháp lý, và sự phù hợp của hệ thống luật pháp đối với các thị trường tài chính hiện đại.

5. Chế độ kế toán và cung cấp thông tin

Chế độ kế toán và cung cấp thông tin an toàn là điều kiện cần thiết để các hệ thống BHTG đánh giá rủi ro hiệu quả. Thông tin chính xác, tin cậy và kịp thời có thể được những người quản lý, người gửi tiền, thị trường và các cơ quan có thẩm quyền sử dụng để ra quyết định liên quan đến rủi ro của một tổ chức, và qua đó tăng cường kỷ luật thị trường, nguyên tắc điều tiết và giám sát. Một chế độ kế toán và cơ chế cung cấp thông tin lành mạnh cần bao gồm các nguyên tắc kế toán được định nghĩa rõ ràng và toàn diện và các quy định được quốc tế chấp nhận rộng rãi.

Hệ thống kiểm toán độc lập giúp người sử dụng các báo cáo tài chính xác nhận rằng các tài khoản kế toán phản ánh một cách trung thực và công bằng tình hình tài chính

của các tổ chức tài chính. Kiểm toán độc lập cũng đảm bảo các báo cáo được chuẩn bị theo đúng các nguyên tắc kế toán và các kiểm toán viên sẽ chịu trách nhiệm về công việc của mình. Việc thiếu những cơ chế thông tin và kế toán vững mạnh sẽ làm việc phát hiện rủi ro trở nên khó khăn. Tất cả các thành viên của mạng an toàn tài chính bao gồm cả tổ chức BHTG cần được tiếp cận kịp thời với thông tin tài chính đáng tin cậy.

IV. Các vấn đề đặc biệt khi áp dụng các nguyên tắc cơ bản

Các hệ thống BHTG Hồi giáo

Hệ thống tài chính của các nước Hồi giáo đang phát triển với tốc độ nhanh chóng. Sự phát triển này không chỉ diễn ra trong nội bộ các nước Hồi giáo mà còn trên toàn thế giới. Những diễn biến này đã kích lệ sự ra đời của các hệ thống BHTG Hồi giáo (IDIS) ở một số quốc gia, nhằm bảo vệ cho tiền gửi của người Hồi giáo phù hợp với nguyên tắc và luật lệ của đạo Hồi.

Mặc dù khái niệm về IDIS còn tương đối mới so với khái niệm về hệ thống ngân hàng thông thường, nhưng nhu cầu áp dụng hạn mức bảo hiểm tiền gửi và xây dựng cơ chế BHTG cho hệ thống ngân hàng Hồi giáo đang ngày càng gia tăng. Mặc dù Bộ Nguyên tắc cơ bản trong tài liệu này được áp dụng chung nhằm định hướng cho việc xây dựng một IDIS hiệu quả, nhưng lại không đặc biệt xem xét những yêu cầu của các quốc gia Hồi giáo và đặc điểm thiết kế riêng biệt⁶ của một IDIS. Vì lý do này, Bộ Nguyên tắc cơ bản của IADI để phát triển hệ thống BHTG hiệu quả cho các nước Hồi giáo sẽ được IADI xây dựng trong một tài liệu riêng, phối hợp với các cơ quan hoặc tổ chức xây dựng chuẩn mực của đạo Hồi có liên quan với các nhiệm vụ tương tự.

Các hệ thống BHTG phức hợp

Một số quốc gia có hơn một hệ thống BHTG hoạt động trong phạm vi lãnh thổ của mình; những hệ thống này được coi là hệ thống BHTG phức hợp (MDIS). Trong một số trường hợp, MDIS cũng đã được xây dựng ở cấp tiểu bang hoặc cấp địa phương trong phạm vi lãnh thổ một quốc gia, và trong một số trường hợp khác một MDIS có thể cho phép một loại hình ngân hàng có được phạm vi BHTG bổ sung từ hơn một tổ chức trong cùng một quốc gia.⁷

Những khác biệt về mục tiêu, nhiệm vụ và đặc điểm thiết kế giữa các hệ thống phức hợp có thể dẫn đến những sự phức tạp của tổ chức và từ đó có thể dẫn đến những khiếm khuyết và các mối lo ngại về tính cạnh tranh tiềm tàng. Do đó trong những tình

⁶ Các đặc điểm thiết kế của IDIS bao gồm các hợp đồng pháp lý trên cơ sở Luật Hồi giáo, theo đó cụ thể hóa các mối quan hệ giữa các tổ chức tài chính cung cấp dịch vụ tài chính của các nước đạo Hồi, bảo vệ người gửi tiền/chủ tài khoản đầu tư và tổ chức BHTG. Ngoài ra, các đặc điểm này bao gồm các khoản đầu tư được phép đối với nguồn vốn IDIS và các nhân tố của những điều khoản cấm thực hiện theo Luật Hồi giáo về lợi ích, tính bất định và đánh bạc.

⁷ Mọi tổ chức nhận tiền gửi không nhất thiết phải là thành viên của một hệ thống BHTG duy nhất. Các loại hình tổ chức nhận tiền gửi khác nhau có thể trực thuộc các hệ thống BHTG khác nhau.

huống khi mà MDIS tồn tại trong cùng một quốc gia thì cần phải xây dựng các cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp thích hợp. Điều này đặc biệt quan trọng nhằm đảm bảo triển khai chương trình nâng cao nhận thức của công chúng về các hệ thống khác nhau một cách hiệu quả. Một điều cũng quan trọng là phải đảm bảo bất kỳ sự khác biệt nào về phạm vi BHTG giữa các tổ chức hoạt động trong một quốc gia không được tác động tiêu cực tới tính hiệu quả của toàn bộ hệ thống BHTG và sự ổn định tài chính nói chung.

Mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính

Mặc dù, trong hầu hết các quốc gia, việc tăng cường mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính không được quy định rõ ràng trong nhiệm vụ của tổ chức BHTG, nhưng các tổ chức BHTG vẫn cần phải nỗ lực cập nhật thông tin về các sáng kiến mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính và các sáng chế công nghệ liên quan được tạo ra ở quốc gia mình, đặc biệt là những sáng kiến, sáng chế ảnh hưởng đến người gửi tiền nhỏ lẻ, dễ bị tổn thương. Việc BHTG tham gia vào việc tăng cường mở rộng tiếp cận dịch vụ tài chính, chẳng hạn như mở rộng phạm vi bảo hiểm cho các giấy tờ có giá giống như tiền gửi, cần được thực hiện với sự tham gia và phối hợp mạnh mẽ của các cơ quan giám sát và các thành viên khác của mạng an toàn tài chính. Ngoài ra, các chương trình nâng cao nhận thức công chúng cần truyền tải hợp lý thông điệp về loại tiền gửi và các hình thức chuyển tiền được bảo hiểm và loại nào không, nhằm giảm thiểu sự nhầm lẫn giữa người gửi tiền nhỏ lẻ cũng như các tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính.

Ưu tiên người gửi tiền

Cách thức đối xử với người gửi tiền theo trật tự chủ nợ có thể gây ra tác động đáng kể tới chi phí mà tổ chức BHTG phải gánh chịu và cơ chế xử lý đổ vỡ.

Ưu tiên người gửi tiền, đặc biệt là ưu tiên dành cho người gửi tiền được bảo hiểm, có thể giúp giảm chi phí thanh lý và chi trả cho người gửi tiền (khi tổ chức BHTG thay thế người gửi tiền thực thi các quyền lợi), bao gồm cả các trường hợp khi mà tổ chức BHTG được kỳ vọng sẽ đóng góp vào việc xử lý đổ vỡ. Ưu tiên người gửi tiền cũng có thể tạo điều kiện cho việc thực hiện các phương án xử lý đổ vỡ, như chuyển giao một phần tiền gửi, sử dụng các tổ chức bắc cầu, và chuyển nợ thành vốn góp. Ngoài ra, cách đối xử nhất quán với người gửi tiền giữa các quốc gia có thể góp phần tăng cường tính hiệu quả của các phương án xử lý xuyên quốc gia.

Mặt khác, ưu tiên người gửi tiền có thể gây ra những hậu quả ngoài dự kiến. Khi người gửi tiền được hưởng sự ưu tiên tương đối cao hơn, việc này làm tăng mức độ thiệt hại tiềm tàng của các chủ nợ xếp hạng thấp hơn. Chính bởi lẽ đó, các chủ nợ không phải là người gửi tiền có thể hành động để bảo vệ chính họ tốt hơn, chẳng hạn như thế chấp trái quyền hay rút ngắn thời gian đáo hạn. Các hành động này có thể có những ngụ ý sâu sắc đối với việc cấp vốn ngân hàng và có thể làm giảm bớt những lợi

ích mang lại bởi việc ưu tiên người gửi tiền. Việc ưu tiên đối với người gửi tiền của quốc gia gốc nhiều hơn so với người gửi tiền ở các chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị đổ vỡ cũng có thể khiến chính quyền nước sở tại phải hành động mang tính địa phương để bảo vệ người gửi tiền trong nước của họ.

Tóm lại, các quốc gia xem xét áp dụng ưu tiên người gửi tiền, hoặc thay đổi các cơ chế ưu tiên người gửi tiền hiện tại, cần cân nhắc ưu nhược điểm trong khuôn khổ luật pháp và tư pháp cũng như cấu trúc hệ thống tài chính.

V. Các nguyên tắc cơ bản và phương pháp đánh giá tuân thủ

Nguyên tắc 1 – Mục tiêu chính sách công

Mục tiêu chính của hệ thống BHTG là bảo vệ người gửi tiền và góp phần ổn định tài chính. Những mục tiêu này cần được quy định chính thức và công bố công khai. Hệ thống BHTG cần được thiết kế sao cho phản ánh được hai mục tiêu trên.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Các mục tiêu chính sách công của hệ thống bảo hiểm tiền gửi được xác định rõ ràng và quy định chính thức, cũng như công bố công khai, chẳng hạn như phải thông qua luật hoặc văn bản kèm luật.
2. Thiết kế của hệ thống BHTG phải phù hợp với các mục tiêu chính sách công của hệ thống.
3. Có đánh giá về mức độ hoàn thành mục tiêu chính sách công của hệ thống BHTG⁸. Việc này bao gồm cả đánh giá nội bộ được tiến hành định kỳ bởi Ban Lãnh đạo và đánh giá từ bên ngoài do một cơ quan bên ngoài tiến hành định kỳ (ví dụ như cơ quan mà tổ chức BHTG có trách nhiệm báo cáo hoặc một cơ quan độc lập mà không có mâu thuẫn về lợi ích, chẳng hạn như cơ quan kiểm toán nói chung). Bất kỳ đánh giá nào cũng phải xem xét quan điểm của các bên liên quan chủ chốt.
4. Nếu bổ sung thêm các mục tiêu chính sách công, các mục tiêu này không được mâu thuẫn với hai mục tiêu chủ yếu là bảo vệ người gửi tiền và góp phần vào sự ổn định của hệ thống tài chính.

⁸ Thời gian đánh giá định kỳ sẽ phụ thuộc vào các yếu tố cụ thể theo từng quốc gia nhưng có thể tiến hành ít nhất 5 năm một lần hoặc thường xuyên hơn nếu thấy cần thiết.

Nguyên tắc 2 – Nhiệm vụ và quyền hạn

Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức BHTG phải hỗ trợ cho việc đạt được các mục tiêu chính sách công và phải được xác định rõ và quy định chính thức trong luật.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của tổ chức BHTG được quy định rõ ràng và chính thức bằng luật, và phải phù hợp với các mục tiêu chính sách công đã đưa ra.
2. Nhiệm vụ phải quy định rõ vai trò và trách nhiệm của tổ chức BHTG và phải phù hợp với các nhiệm vụ của các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính.⁹
3. Quyền hạn của tổ chức BHTG phải hỗ trợ nhiệm vụ và cho phép tổ chức BHTG hoàn thành vai trò và nhiệm vụ của mình.
4. Quyền hạn của tổ chức BHTG bao gồm, nhưng không giới hạn ở các quyền sau:
 - (a) Tính và thu phí bảo hiểm hay các loại phí khác;
 - (b) Chuyển giao tiền gửi cho ngân hàng khác;
 - (c) Chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm;
 - (d) Trực tiếp thu thập thông tin kịp thời, chính xác và toàn diện từ các ngân hàng để hoàn thành nhiệm vụ của mình;
 - (e) Tiếp nhận và chia sẻ thông tin kịp thời, chính xác và toàn diện với các thành viên trong mạng an toàn tài chính ở nước mình, và với các thành viên của mạng an toàn tài chính ở các quốc gia khác nếu luật quy định;
 - (f) Yêu cầu các ngân hàng thành viên tuân thủ các nghĩa vụ với tổ chức BHTG (ví dụ tiếp cận thông tin về người gửi tiền), hoặc đề nghị cơ quan giám sát hoặc thành viên khác của mạng an toàn tài chính thay mặt tổ chức BHTG thực hiện các yêu cầu trên.
 - (g) Lập ngân sách hoạt động, chính sách, các hệ thống và các thông lệ hoạt động; và
 - (h) Ký kết hợp đồng.

⁹ Nhiệm vụ có thể thay đổi từ “chi trả đơn thuần” đến những trách nhiệm mở rộng hơn, như hành động ngăn ngừa và giảm thiểu/quản trị tổn thất hay rủi ro, với một loạt những kết hợp giữa 2 cơ chế này. Có thể phân chia thành 4 nhóm sau:

- a. Nhiệm vụ “chi trả đơn thuần”, theo đó tổ chức BHTG chỉ chịu trách nhiệm chi trả tiền gửi được bảo hiểm;
- b. Nhiệm vụ “chi trả với quyền hạn mở rộng”, theo đó tổ chức BHTG có các thêm trách nhiệm, ví dụ như chức năng xử lý nào đó (chẳng hạn như hỗ trợ tài chính);
- c. Nhiệm vụ “giảm thiểu thua lỗ”, theo đó tổ chức BHTG chủ động tham gia vào việc lựa chọn từ một loạt các chiến lược xử lý với chi phí thấp nhất; và
- d. Nhiệm vụ “giảm thiểu rủi ro”, theo đó tổ chức BHTG có các chức năng giảm thiểu rủi ro tổng thể bao gồm đánh giá/quản trị rủi ro, một tập hợp đầy đủ quyền can thiệp sớm và xử lý, và trong một số trường hợp còn là trách nhiệm giám sát an toàn hoạt động.

Nguyên tắc 3 – Quản trị

Tổ chức BHTG cần hoạt động một cách độc lập, quản trị tốt, minh bạch, có trách nhiệm giải trình và không bị tác động từ bên ngoài.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức BHTG hoạt động một cách độc lập. Tổ chức BHTG được phép sử dụng quyền hạn để thực hiện nhiệm vụ của mình mà không chịu sự tác động từ bên ngoài. Sự can thiệp của Chính phủ, Ngân hàng trung ương, cơ quan giám sát hoặc quản lý ngành không được ảnh hưởng tới hoạt động độc lập của tổ chức BHTG.
2. Hội đồng quản trị của tổ chức BHTG phải chịu trách nhiệm trước một cơ quan cấp cao hơn.¹⁰
3. Tổ chức BHTG có khả năng và nguồn lực (chẳng hạn như nguồn nhân lực, ngân sách hoạt động, và mức lương đủ hấp dẫn để thu hút và giữ chân các cán bộ có năng lực) nhằm hỗ trợ cho hoạt động độc lập của tổ chức và giúp tổ chức hoàn thành nhiệm vụ.
4. Tổ chức BHTG được quản trị tốt và tuân theo những thông lệ quản trị tốt, bao gồm trách nhiệm giải trình, kiểm toán nội bộ, công bố và minh bạch thông tin phù hợp. Tổ chức BHTG phải được cơ cấu sao cho giảm thiểu khả năng phát sinh mâu thuẫn lợi ích.
5. Tổ chức BHTG luôn hoạt động với một cách thức minh bạch và có trách nhiệm. Tổ chức BHTG luôn công bố công khai những thông tin thích hợp cho các bên liên quan một cách định kỳ.¹¹
6. Cơ chế quản trị hay các luật và chính sách khác có liên quan điều chỉnh hoạt động của tổ chức BHTG phải cụ thể hóa những yêu cầu sau:
 - (a) Hội đồng quản trị và ban điều hành phải bao gồm những cá nhân “xứng đáng và phù hợp”;
 - (b) Các thành viên của Hội đồng quản trị và những người đứng đầu của tổ chức BHTG (ngoại trừ những người đương nhiên được bổ nhiệm) phải tuân thủ nhiệm kỳ đã xác định và các nhiệm kỳ được xác định xen kẽ nhau;¹²
 - (c) Quy trình bổ nhiệm và miễn nhiệm các thành viên của Hội đồng quản trị và các lãnh đạo của tổ chức BHTG cần phải minh bạch. Các thành viên của Hội đồng quản trị và các lãnh đạo của tổ chức BHTG có thể bị miễn nhiệm ngay

¹⁰ Tài liệu này đề cập đến một cơ cấu quản trị bao gồm một ban quản trị như Hội đồng quản trị. Các quốc gia khác nhau lại có những khung pháp lý và điều tiết khác nhau về những chức năng này. Một số quốc gia sử dụng cơ cấu hội đồng 2 cấp, theo đó chức năng giám sát của hội đồng do một đơn vị độc lập đảm trách, được biết đến với cái tên là hội đồng giám sát, hội đồng này không có chức năng điều hành. Trái lại, một số quốc gia khác lại sử dụng cấu trúc hội đồng 1 cấp, theo đó hội đồng này có một vai trò rộng hơn. Do những khác biệt này nên tài liệu này không chủ trương đưa ra một cấu trúc cụ thể của ban quản trị.

¹¹ Ví dụ về thông tin thích hợp bao gồm báo cáo về mục tiêu và kế hoạch chiến lược, cơ cấu và thông lệ quản trị, và các báo cáo thường niên bao gồm báo cáo tài chính và mô tả các hoạt động trong thời kỳ báo cáo

¹² Cơ chế theo đó chỉ một số lượng thành viên nhất định của Ban Quản trị được bổ nhiệm/bầu trong một năm xác định. Ví dụ: Ban quản trị có thể gồm 11 thành viên với nhiệm kỳ xen kẽ, trong đó 2 thành viên mới được bổ nhiệm mỗi năm

trong nhiệm kỳ chỉ khi có các lý do được cụ thể hóa hoặc được xác định trong luật, các quy chế nội bộ hoặc quy tắc hành vi nghề nghiệp, và không thể bị miễn nhiệm mà không có lý do; và

- (d) Các thành viên của Hội đồng quản trị và người lao động phải tuân thủ các chuẩn mực cao về đạo đức và bộ quy tắc hành vi toàn diện nhằm giảm thiểu khả năng phát sinh mâu thuẫn lợi ích.¹³
7. Tổ chức BHTG được đánh giá định kỳ mức độ hoàn thành nhiệm vụ, và tổ chức BHTG phải được kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập một cách thường xuyên.
 8. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải được thiết kế để giảm thiểu khả năng phát sinh mâu thuẫn lợi ích. Để duy trì hoạt động độc lập, đại diện của các tổ chức khác thuộc mạng an toàn tài chính ở Hội đồng quản trị không được làm Chủ tịch hay chiếm đa số.
 9. Hội đồng quản trị cần tổ chức các cuộc họp định kỳ nhằm xem xét và quản lý các vấn đề của tổ chức BHTG (chẳng hạn định kỳ hàng tháng hoặc thường xuyên hơn nếu thấy cần thiết).

Nguyên tắc 4 – Môi quan hệ với các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính

Để bảo vệ người gửi tiền và góp phần ổn định tài chính, cần phải xây dựng một khuôn khổ chính thức và toàn diện cho việc phối hợp chặt chẽ trong các hoạt động và chia sẻ thông tin một cách định kỳ giữa tổ chức BHTG và các thành viên khác của mạng an toàn tài chính.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Cơ chế chia sẻ thông tin thường xuyên và phối hợp hành động giữa các thành viên mạng an toàn tài chính phải được công khai và được chính thức hóa thông qua luật, quy định, các bản ghi nhớ hợp tác, các thỏa thuận pháp lý hoặc là sự kết hợp của các công cụ kể trên.
2. Các quy tắc về bảo mật thông tin và trao đổi thông tin được áp dụng đối với tất cả các thành viên của mạng an toàn tài chính. Việc bảo mật thông tin phải được quy định trong luật hoặc các thỏa thuận để đảm bảo rằng lý do về bảo mật không gây hạn chế việc chia sẻ thông tin trong mạng an toàn tài chính.
3. Các thành viên mạng an toàn tài chính thường xuyên trao đổi thông tin, và đặc biệt khi có ngân hàng thành viên đang bị giám sát tăng cường.

¹³ Xem Nguyên tắc 11, Tiêu chuẩn cơ bản 3

4. Trong trường hợp có các tổ chức BHTG khác nhau hoạt động trong cùng một thể chế quốc gia, cần phải có cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp phù hợp giữa các tổ chức BHTG đó.

Nguyên tắc 5 – Các vấn đề xuyên quốc gia

Nếu có các ngân hàng nước ngoài hoạt động thực tế ở một quốc gia (chẳng hạn như ngân hàng con, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) thì cần phải có cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin chính thức giữa các tổ chức BHTG ở các quốc gia có liên quan.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Nếu có các ngân hàng nước ngoài hoạt động thực tế ở một quốc gia (ngân hàng con hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài), cần phải có cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp chính thức giữa các tổ chức BHTG liên quan và các thành viên liên quan của mạng an toàn tài chính, và phải tuân thủ các quy định về bảo mật.
2. Trong trường hợp tổ chức BHTG chịu trách nhiệm về BHTG tại một quốc gia khác, hoặc khi có hơn một tổ chức BHTG chịu trách nhiệm về BHTG ở cùng một quốc gia thì cần phải có các thỏa thuận song phương hoặc đa phương để xác định (những) tổ chức BHTG nào chịu trách nhiệm chi trả, xác định mức phí, và hoạt động nâng cao nhận thức của công chúng.

Nguyên tắc 6 – Vai trò của tổ chức BHTG trong việc lập kế hoạch dự phòng và quản lý khủng hoảng

Tổ chức BHTG cần phải có sẵn các chính sách và quy trình lập kế hoạch dự phòng và quản lý khủng hoảng hiệu quả, nhằm đảm bảo khả năng phản ứng hiệu quả trước rủi ro hoặc thực tế xảy ra đổ vỡ ngân hàng cũng như các sự kiện khác. Việc xây dựng các chiến lược dự phòng và chính sách quản lý khủng hoảng mang tính hệ thống là trách nhiệm chung của tất cả thành viên của mạng an toàn tài chính. Tổ chức BHTG cần là thành viên của tất cả khuôn khổ trao đổi thông tin và phối hợp thường xuyên giữa các thành viên mạng an toàn tài chính trong vấn đề ứng phó và quản lý khủng hoảng.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức BHTG cần phải có sẵn các chính sách và quy trình lập kế hoạch dự phòng và quản lý khủng hoảng hiệu quả của chính mình, nhằm đảm bảo khả năng phản ứng hiệu quả trước rủi ro hoặc thực tế xảy ra đổ vỡ ngân hàng cũng như các sự kiện khác.
2. Tổ chức BHTG xây dựng và định kỳ kiểm tra các kế hoạch dự phòng và quản lý khủng hoảng của mình.

3. Tổ chức BHTG cần là thành viên của tất cả khuôn khổ trao đổi thông tin và phối hợp thường xuyên giữa các thành viên mạng an toàn tài chính trong vấn đề ứng phó và quản lý khủng hoảng.
4. Tổ chức BHTG tham gia vào các hoạt động diễn tập định kỳ về lập kế hoạch dự phòng và mô phỏng liên quan đến việc ứng phó và quản lý khủng hoảng mang tính hệ thống có sự tham gia của tất cả các thành viên trong mạng an toàn tài chính.
5. Tổ chức BHTG tham gia vào việc lập kế hoạch truyền thông quản lý trước và sau khủng hoảng của tất cả các thành viên trong mạng an toàn tài chính, để đảm bảo tính toàn diện và thống nhất của các chương trình truyền thông và nâng cao nhận thức công chúng.

Nguyên tắc 7 – Cơ chế thành viên

Cần áp dụng cơ chế BHTG bắt buộc đối với tất cả các ngân hàng.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Cần áp dụng cơ chế BHTG bắt buộc đối với tất cả các ngân hàng, bao gồm cả các ngân hàng thuộc sở hữu nhà nước (dù có hoặc không được đảm bảo công khai), và tất cả các ngân hàng đều phải tuân thủ quy định về an toàn và cơ chế giám sát tốt.¹⁴
2. Trong trường hợp tổ chức BHTG mới được thành lập, một ngân hàng khi tham gia BHTG không đáp ứng tất cả các yêu cầu về giám sát hoặc cơ chế thành viên mà vẫn được tham gia BHTG thì phải có kế hoạch tin cậy để giải quyết mọi vấn đề thiếu sót trong một khung thời gian nhất định (ví dụ như 1 năm).
3. Các điều kiện, quy trình và khung thời gian đăng ký tham gia BHTG phải được quy định công khai và minh bạch.
4. Nếu tổ chức BHTG không có trách nhiệm cấp phép thành viên trong hệ thống BHTG thì phải có quy định luật pháp hoặc các thủ tục hành chính mô tả một khung thời gian rõ ràng và hợp lý theo đó tổ chức BHTG được hỏi ý kiến hoặc thông báo trước, và được cung cấp đầy đủ thông tin về việc nộp đơn xin làm thành viên của hệ thống BHTG.
5. Nếu tư cách thành viên BHTG bị đình chỉ vì ngân hàng bị rút giấy phép, cần phải gửi thông báo ngay lập tức cho người gửi tiền về việc tiền gửi hiện tại của họ sẽ tiếp tục được bảo hiểm đến một thời hạn xác định.¹⁵
6. Khi tổ chức BHTG chấm dứt tư cách thành viên BHTG của một ngân hàng, cần phải có sẵn các cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong việc rút giấy

¹⁴ Việc xác định “cơ chế giám sát và quy định về dự phòng tốt” được thực hiện bằng việc đảm bảo rằng có sự tuân thủ mạnh mẽ với Các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của Basel.

¹⁵ Xem thêm Nguyên tắc cơ bản 10 “Nâng cao nhận thức công chúng.”

phép hoạt động nhận tiền gửi của ngân hàng ngay lập tức. Sau khi chấm dứt tư cách thành viên, cần phải thông báo ngay lập tức cho người gửi tiền về việc tiền gửi hiện tại của họ sẽ tiếp tục được bảo hiểm đến một thời hạn xác định.

Nguyên tắc 8 – Phạm vi bảo hiểm

Các nhà hoạch định chính sách phải xác định rõ ràng hạn mức và phạm vi bảo hiểm tiền gửi. Phạm vi nên có giới hạn, đáng tin cậy và bảo hiểm cho phần lớn người gửi tiền nhưng phải đảm bảo có một giá trị tiền gửi đáng kể tuân theo kỷ luật thị trường. Phạm vi BHTG cần phù hợp với các mục tiêu chính sách công và các đặc điểm thiết kế có liên quan của hệ thống BHTG.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Loại tiền gửi được bảo hiểm phải được quy định rõ ràng và công khai trong luật hoặc quy định khác và phản ánh các mục tiêu chính sách công. Quy định phải bao gồm hạn mức và phạm vi bảo hiểm. Nếu các loại tiền gửi và người gửi tiền nào đó không đủ điều kiện để được bảo hiểm, thì phải được quy định rõ ràng, xác định dễ dàng và không làm ảnh hưởng đến tốc độ của quá trình chi trả.¹⁶
2. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm có giới hạn và được thiết kế sao cho đáng tin cậy, để giảm thiểu rủi ro rút tiền hàng loạt và không được làm xói mòn kỷ luật thị trường. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm được thiết lập sao cho phần lớn người gửi tiền ở các ngân hàng được bảo vệ đầy đủ nhưng phải đảm bảo có một tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi không được bảo vệ¹⁷. Trong trường hợp một tỷ lệ đáng kể giá trị tiền gửi được bảo vệ, phải giảm thiểu rủi ro đạo đức bằng quy định điều tiết và giám sát chặt chẽ, cũng như bằng các đặc điểm thiết kế khác của hệ thống BHTG.¹⁸
3. Tổ chức BHTG áp dụng hạn mức và phạm vi bảo hiểm bằng nhau cho tất cả các ngân hàng thành viên.
4. Tổ chức BHTG không áp dụng cơ chế đồng bảo hiểm.
5. Hạn mức và phạm vi bảo hiểm được đánh giá lại một cách định kỳ (chẳng hạn ít nhất 5 năm một lần) để đảm bảo có thể đáp ứng các mục tiêu chính sách công của hệ thống BHTG.
6. Trong lúc hoặc trước khi sáp nhập hoặc hợp nhất các ngân hàng đơn lẻ là thành viên của cùng một hệ thống BHTG, người gửi tiền tại ngân hàng bị sáp nhập hoặc hợp nhất được bảo hiểm riêng (với hạn mức tối đa) tại mỗi ngân hàng trong một

¹⁶ Đặc biệt, một số loại tiền gửi cụ thể có thể bị loại trừ hoặc xem là không đủ điều kiện để bảo hiểm. Các loại tiền này có thể bao gồm: tiền gửi liên ngân hàng; tiền gửi của các sở ban ngành của Chính phủ và của chính quyền cấp vùng, tỉnh, cấp địa phương và các cơ quan công quyền khác; tiền gửi của các cá nhân được xem là có trách nhiệm đối với sự suy vong của một tổ chức, bao gồm cả tiền gửi thuộc sở hữu của giám đốc, nhà quản lý, các cổ đông lớn, và kiểm toán viên ngân hàng; và tiền gửi ghi danh.

¹⁷ Để có thêm hướng dẫn về việc xác định hạn mức bảo hiểm, phạm vi bảo hiểm và việc bảo hiểm cho tiền gửi ngoại tệ, xem: *IADI, Hướng dẫn cập nhật về các Hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả: Phạm vi bảo hiểm tiền gửi*, 2013.

¹⁸ Cơ chế điều tiết và giám sát tốt được thể hiện bằng mức độ tuân thủ cao các nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng hiệu quả của Basel.

thời gian có giới hạn nhưng phải được công bố công khai, theo luật hoặc quy định khác. Các ngân hàng sáp nhập có trách nhiệm thông báo cho những người gửi tiền bị ảnh hưởng, bao gồm cả việc thông báo cho họ thời điểm mà phạm vi bảo hiểm riêng lẻ sẽ hết hạn.

7. Tình trạng cư trú hoặc quốc tịch của người gửi tiền không ảnh hưởng đến phạm vi bảo hiểm.
8. Trong trường hợp có nhiều tổ chức BHTG cùng hoạt động trong một quốc gia, sự khác biệt về phạm vi bảo hiểm giữa các ngân hàng cùng hoạt động trong nước đó không ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của toàn bộ hệ thống BHTG và sự ổn định của hệ thống tài chính.
9. Tiền gửi ngoại tệ được bảo hiểm nếu được sử dụng rộng rãi tại nước đó.
10. Trong trường hợp đang áp dụng bảo hiểm toàn bộ, cần có kế hoạch tin cậy cho việc chuyển tiếp từ hệ thống bảo hiểm toàn bộ sang hệ thống bảo hiểm tiền gửi có hạn mức. Bao gồm:
 - (a) Cần tiến hành đánh giá môi trường kinh tế ảnh hưởng đến hệ thống ngân hàng trước khi một quốc gia bắt đầu thực hiện chuyển đổi từ hệ thống bảo hiểm toàn bộ sang hệ thống bảo hiểm có hạn mức.
 - (b) Tốc độ chuyển đổi sang hệ thống bảo hiểm tiền gửi có hạn mức phải phù hợp với điều kiện của ngành ngân hàng, các cơ chế điều tiết và giám sát an toàn, khung pháp lý và hệ thống tòa án, cơ chế kế toán hay công khai thông tin.
 - (c) Các nhà hoạch định chính sách có chiến lược truyền thông hiệu quả để giảm thiểu phản ứng xấu của công chúng với việc chuyển đổi.
 - (d) Ở đâu có mức độ luân chuyển vốn cao, và/ hoặc tồn tại chính sách hợp nhất vùng miền, khi quyết định giảm hạn mức (và/ hoặc phạm vi) bảo hiểm cần phải xem xét đến tác động của hạn mức bảo hiểm và chính sách có liên quan ở các thể chế quốc gia khác.

Nguyên tắc 9 – Nguồn và sử dụng nguồn vốn

Một tổ chức BHTG phải có sẵn các quỹ và tất cả các cơ chế cấp vốn nhằm đảm bảo chi trả kịp thời cho người gửi tiền, bao gồm cả cơ chế cấp vốn thanh khoản được bảo đảm. Các ngân hàng chịu trách nhiệm đối với những chi phí phát sinh từ việc BHTG.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Cơ chế cấp vốn cho hệ thống BHTG là cấp vốn trước khi xảy ra đổ vỡ ngân hàng. Các cơ chế cấp vốn cần được xác định rõ và quy định cụ thể trong luật hoặc các quy định khác.
2. Trách nhiệm chính đối với vấn đề cấp vốn cho hệ thống BHTG thuộc về các ngân hàng thành viên.

3. Vốn “ban đầu” hoặc vốn “gốc” (ví dụ: do chính phủ hoặc các tổ chức tài trợ quốc tế cấp) được phép dùng để thành lập tổ chức BHTG. Vốn ban đầu do Chính phủ cung cấp nên được hoàn trả trước khi tổ chức BHTG giảm một phần hoặc toàn bộ phí BHTG của các ngân hàng.
4. Các cơ chế cấp vốn khẩn cấp cho hệ thống BHTG, bao gồm cả nguồn cấp vốn thanh khoản được xác định trước và các nguồn thanh khoản có đảm bảo, phải được xác định (hoặc cho phép) công khai trong Luật hoặc quy định khác. Nguồn vốn có thể bao gồm thỏa thuận cấp vốn với chính phủ, ngân hàng trung ương hoặc vay từ thị trường. Nếu sử dụng phương án vay từ thị trường thì đó không được là nguồn vốn duy nhất¹⁹. Cơ chế cấp vốn thanh khoản khẩn cấp cần được xây dựng trước để đảm bảo có thể dùng đến một cách hiệu quả và kịp thời khi cần.
5. Sau khi đã thiết lập một quỹ BHTG có nguồn vốn được cấp trước:
 - (a) Quy mô quỹ mục tiêu được xác định dựa trên những tiêu chí rõ ràng, thống nhất và minh bạch, và cần được định kỳ xem xét lại.
 - (b) Có khung thời gian hợp lý để đạt được quy mô quỹ mục tiêu.
6. Tổ chức BHTG có trách nhiệm đầu tư và quản lý an toàn các quỹ do mình quản lý. Tổ chức BHTG có chính sách đầu tư quỹ cụ thể, đảm bảo các yếu tố sau:
 - (a) Bảo toàn nguồn vốn quỹ và duy trì thanh khoản, và
 - (b) Có đầy đủ chính sách và quy trình quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ, hệ thống công bố thông tin và báo cáo.
7. Tổ chức BHTG có thể gửi tiền tại ngân hàng trung ương. Tổ chức BHTG thiết lập và tuân thủ các nguyên tắc nhằm hạn chế đầu tư lớn tại các ngân hàng.
8. Nếu không phải là cơ quan xử lý, trong khuôn khổ luật pháp, tổ chức BHTG có thể lựa chọn hình thức ủy quyền cho tổ chức/cơ quan khác sử dụng quỹ của mình để xử lý các tổ chức thành viên thay vì tiến hành thanh lý²⁰. Trong trường hợp đó, cần đáp ứng những điều kiện sau:
 - (a) Tổ chức BHTG được thông báo và tham gia vào quá trình ra quyết định xử lý;
 - (b) Việc sử dụng quỹ BHTG là minh bạch, thể hiện bằng văn bản, quy định rõ ràng và chính thức;
 - (c) Nếu ngân hàng được xử lý bằng một quá trình xử lý chứ không phải hình thức thanh lý thì việc xử lý phải đem lại kết quả là một ngân hàng có thể tồn tại được, có khả năng thanh toán và được tái cơ cấu. Điều này sẽ hạn chế nguy cơ tổ chức BHTG phải bổ sung thêm vốn nếu phải tự mình thực hiện nghĩa vụ đó.
 - (d) Việc dùng quỹ BHTG cho quá trình xử lý chỉ được giới hạn ở mức không vượt quá số tiền mà tổ chức BHTG lẽ ra phải dùng để chi trả trừ đi phần giá

¹⁹ Nếu được cho phép (ví dụ ở Liên minh châu Âu), các tổ chức BHTG có thể vay từ quỹ của nhau

²⁰ Việc sử dụng quỹ như vậy có thể bắt buộc theo luật định trong nước

trị tài sản được thu hồi trong trường hợp áp dụng phương án thanh lý thay vì xử lý ngân hàng.

- (e) Quỹ BHTG không được sử dụng vào việc tái cấp vốn cho tổ chức được xử lý trừ khi lãi của cổ đông giảm xuống 0; và những chủ nợ không được đảm bảo, không được bảo hiểm sẽ phải chịu những tổn thất tương tự theo thứ tự yêu cầu bồi thường của Luật.
 - (f) Việc sử dụng quỹ BHTG phải được kiểm toán độc lập và kết quả phải được thông báo cho tổ chức BHTG; và
 - (g) Việc xử lý và quyết định sử dụng vốn của tổ chức BHTG phải được đánh giá lại sau khi đã được hoàn tất.
9. Nếu thu nhập/ doanh thu của tổ chức BHTG (ví dụ, từ thu phí, khoản thu hồi từ ngân hàng bị đổ vỡ, lãi thu từ các khoản đầu tư) phải chịu thuế bởi chính phủ, mức thuế sẽ không quá cao và không bất cân đối so với các thuế công ty, đồng thời mức thuế cũng sẽ không gây cản trở một cách phi lý tới quá trình tích lũy quỹ BHTG. Việc hoàn trả vốn từ tổ chức BHTG cho Chính phủ chỉ giới hạn ở việc hoàn trả vốn ban đầu mà Chính phủ cung cấp và phần cấp vốn thanh khoản của Chính phủ.
10. Nếu tổ chức BHTG áp dụng hệ thống phí phân biệt: ²¹
- (a) hệ thống tính phí phải minh bạch với tất cả các ngân hàng thành viên
 - (b) các mức điểm/mức phí phải có sự khác biệt rõ rệt; và
 - (c) cơ chế tính điểm và xếp hạng của hệ thống phí đối với từng ngân hàng phải được bảo mật.

Nguyên tắc 10 – Nhận thức công chúng

Nhằm bảo vệ người gửi tiền và góp phần vào sự ổn định tài chính, cần đảm bảo công chúng nhất thiết phải được thông tin thường xuyên về lợi ích và hạn chế của hệ thống bảo hiểm tiền gửi.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là cơ quan chịu trách nhiệm nâng cao nhận thức công chúng về hệ thống bảo hiểm tiền gửi, thường xuyên sử dụng nhiều công cụ truyền thông đa dạng trong một chương trình truyền thông toàn diện.
2. Trường hợp một ngân hàng phá sản, tổ chức BHTG phải thông báo cho người gửi tiền, một cách phù hợp và đúng luật, thông qua phương tiện truyền thông như thông cáo báo chí, quảng cáo trên báo in, trang web và công cụ truyền thông khác, về những chi tiết sau:
 - (a) địa điểm, phương pháp và thời gian người gửi tiền được bảo hiểm sẽ được tiếp cận tiền của họ ²²

²¹ Xem *Hướng dẫn chung của IADI về xây dựng hệ thống phí phân biệt*, 2011

- (b) thông tin mà người gửi tiền được bảo hiểm phải cung cấp để được thanh toán
 - (c) có tạm ứng hoặc trả trước một phần tiền bảo hiểm hay không; và²³
 - (d) liệu người gửi tiền có mất tiền hay không, và các thủ tục theo đó người gửi tiền không được bảo hiểm có thể yêu cầu cơ quan thanh lý giải quyết cho phần tiền gửi không được bảo hiểm của họ.
3. Các chương trình và hoạt động nâng cao nhận thức công chúng truyền tải những thông tin về:
 - (a) Phạm vi (ví dụ như loại hình công cụ tài chính và người gửi tiền được bảo hiểm cũng như không được bảo hiểm);
 - (b) Danh sách các ngân hàng thành viên và cách thức xác định được các ngân hàng đó
 - (c) Hạn mức BHTG; và
 - (d) Thông tin khác, như nghĩa vụ của tổ chức BHTG.
 4. Mục tiêu của chương trình nâng cao nhận thức công chúng (ví dụ như mục tiêu về mức độ nhận thức) được xác định rõ và phù hợp với mục tiêu chính sách công và nhiệm vụ của hệ thống BHTG.
 5. Tổ chức BHTG xây dựng chiến lược dài hạn để đạt được các mục tiêu nhận thức công chúng, và phân bổ ngân sách để xây dựng và duy trì mục tiêu về mức độ nhận thức công chúng về BHTG.
 6. Tổ chức BHTG thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng và cơ quan liên quan trong mạng an toàn tài chính nhằm đảm bảo tính thống nhất và chính xác của các thông tin cung cấp cho người gửi tiền và tối đa hóa mức độ nhận thức công chúng. Luật và quy định yêu cầu các ngân hàng cung cấp thông tin về bảo hiểm tiền gửi theo mẫu định dạng/ngôn ngữ do tổ chức BHTG quy định.
 7. Tổ chức BHTG theo dõi một cách thường xuyên các hoạt động nâng cao nhận thức và định kỳ tổ chức đánh giá độc lập về hiệu quả của chương trình và các hoạt động nâng cao nhận thức công chúng.
 8. Người gửi tiền ở những nước chịu ảnh hưởng bởi các cơ chế ngân hàng xuyên quốc gia thông qua hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc công ty con được cung cấp thông tin rõ ràng về sự tồn tại và xác định tổ chức BHTG chịu trách nhiệm pháp lý về chi trả, hạn mức và phạm vi bảo hiểm.

Nguyên tắc 11 – Bảo vệ pháp lý

Tổ chức BHTG và các cá nhân đã và đang làm việc cho tổ chức BHTG cần phải được bảo vệ về mặt pháp lý trước những nguy cơ bị kiện vì các quyết định và những hành

²² Ví dụ, liệu có ngân hàng tiếp nhận/đại lý sẽ tiếp nhận tiền gửi và chi trả hoặc cho phép khách hàng tiền gửi của họ, hoặc liệu việc chi trả có được thực hiện thông qua các công cụ của ngân hàng đồ võ hay không

²³ Ví dụ, trong trường hợp trì hoãn kéo dài không tránh khỏi, chẳng hạn một vụng ngân hàng đồ võ “bắt ngờ” mà không kịp có sự chuẩn bị nào

động, hoặc thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình một cách bình thường với “thiện ý”. Cơ chế bảo vệ pháp lý phải được quy định trong luật.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Việc bảo vệ pháp lý phải được xác định rõ trong luật và dành cho tổ chức BHTG, các lãnh đạo hiện tại và trước đây, các cán bộ và nhân viên và bất kỳ cá nhân nào²⁴ đang hoặc đã làm việc tại hoặc liên quan đến tổ chức BHTG, vì những quyết định và những hành động hoặc thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình một cách bình thường với “thiện ý”.
2. Cơ chế bảo vệ pháp lý loại trừ những tổn thất hoặc sự trừng phạt đối với các cá nhân đó và trang trải các chi phí, bao gồm cả chi phí bào chữa nếu có (không chỉ chi trả trong trường hợp bào chữa thành công).
3. Các chính sách và quy trình hoạt động của tổ chức BHTG yêu cầu các cá nhân được bảo vệ pháp lý phải thông báo những mâu thuẫn lợi ích thực tế hoặc tiềm tàng, và phải tuân thủ quy tắc ứng xử nhằm đảm bảo họ luôn có trách nhiệm.
4. Vấn đề bảo vệ pháp lý không ngăn cản người gửi tiền, các cá nhân khác, hoặc các ngân hàng thành viên đặt ra những yêu cầu hợp pháp đối với các hành động hay thiếu sót của tổ chức bảo hiểm tiền gửi một cách công khai hay theo quy trình pháp lý (chẳng hạn tố tụng dân sự).

Nguyên tắc 12 – Xử lý các bên có lỗi trong đổ vỡ ngân hàng

Một tổ chức bảo hiểm tiền gửi hoặc một cơ quan có thẩm quyền khác, cần có quyền yêu cầu bên có lỗi gây ra đổ vỡ ngân hàng bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Hành vi của các bên chịu trách nhiệm hay góp phần gây ra đổ vỡ ngân hàng (ví dụ các cán bộ, giám đốc, quản lý, chủ sở hữu), cũng như hành vi của các bên liên quan và các nhà cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp (ví dụ như kiểm toán viên, kế toán viên, luật sư và nhân viên thẩm định tài sản) phải được điều tra. Việc điều tra hành vi của các bên phải được tiến hành bởi một hoặc nhiều hơn một cơ quan sau đây: tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cơ quan giám sát hay cơ quan điều tiết, cơ quan điều tra tội phạm, hoặc một cơ quan chuyên trách hay chuyên ngành theo đúng luật định.
2. Cơ quan có thẩm quyền có các bước phù hợp để điều tra các bên được xác định là có lỗi gây ra đổ vỡ ngân hàng. Các bên có lỗi sẽ chịu hình phạt thích hợp và/hoặc phải chịu bồi thường. Hình phạt hay bồi thường có thể là các hình thức kỷ luật

²⁴ Cơ chế bồi thường hợp đồng trong hợp đồng cá nhân về việc tuyển dụng với tổ chức BHTG và/hoặc bảo hiểm tư nhân không phải là sự thay thế cho cơ chế bảo vệ pháp lý được quy định trong luật.

chuyên môn hay kỷ luật cá nhân (bao gồm các hình phạt hay tiền phạt), bị khởi tố hình sự, và bị kết tội dân sự do đã gây ra thiệt hại.

3. Tổ chức BHTG hoặc cơ quan liên quan khác, có sẵn các chính sách và quy trình để đảm bảo các đối tượng nội bộ, các bên liên quan hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp của ngân hàng đổ vỡ sẽ bị điều tra thích hợp vì đã làm sai và có lỗi trong việc đổ vỡ ngân hàng.

Nguyên tắc 13 – Phát hiện sớm và can thiệp kịp thời

Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cần phải là một phần cấu thành một khuôn khổ nằm trong mạng an toàn tài chính có chức năng phát hiện sớm, can thiệp kịp thời các ngân hàng có vấn đề. Khuôn khổ này cần cho phép can thiệp trước thời điểm một ngân hàng phá sản. Hành động đó phải bảo vệ được người gửi tiền và đóng phần ổn định tài chính.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức BHTG là một phần của khuôn khổ hiệu quả trong mạng an toàn tài chính có chức năng phát hiện sớm và can thiệp kịp thời đối với ngân hàng đang gặp khó khăn tài chính trước khi nó phá sản²⁵.
2. Các thành viên mạng an toàn tài chính hoạt động độc lập và có quyền hạn thực thi vai trò của mình trong khuôn khổ phát hiện sớm và can thiệp kịp thời.
3. Khuôn khổ phát hiện sớm và can thiệp kịp thời bao gồm một tập hợp các tiêu chí định lượng và định tính được quy định rõ ràng sử dụng để khởi sự việc can thiệp hoặc có các hành động chỉnh sửa kịp thời. Các tiêu chí:
 - (a) Được xác định rõ ràng trong luật hoặc quy định, thỏa thuận;
 - (b) Bao gồm các chỉ tiêu về an toàn và lành mạnh như vốn, chất lượng tài sản, quản lý, thu nhập, thanh khoản và độ nhạy cảm với rủi ro thị trường; và
 - (c) Được xem xét định kỳ, quy trình xem xét định kỳ phải được chính thức hóa.

Nguyên tắc 14 – Xử lý đổ vỡ

Cơ chế xử lý đổ vỡ hiệu quả cho phép tổ chức BHTG thực hiện chức năng bảo vệ người gửi tiền và đóng góp vào sự ổn định tài chính. Khuôn khổ luật pháp cần quy định cơ chế xử lý đặc biệt.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Tổ chức BHTG có sự độc lập về hoạt động và đủ nguồn lực để thực hiện các quyền xử lý²⁶ phù hợp với nhiệm vụ của mình.

²⁵ Mức độ triển khai và hiệu quả của khuôn khổ phát hiện sớm và can thiệp kịp thời được xác định qua việc đánh giá của Bộ BCP và KA theo luật định.

2. Cơ chế xử lý bảo đảm tất cả các ngân hàng đều có thể xử lý được thông qua nhiều quyền và lựa chọn.
3. Nếu có nhiều thành viên mạng an toàn tài chính chịu trách nhiệm về xử lý thì khuôn khổ pháp lý phải quy định sự phân chia rõ ràng các mục tiêu, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan, không có khoảng cách lớn, trùng lặp hoặc thiếu thống nhất. Cần có sẵn cơ chế phối hợp rõ ràng.
4. Quy trình xử lý và bảo vệ người gửi tiền không hạn chế ở việc chi trả cho người gửi tiền. (Các) Cơ quan xử lý có các công cụ xử lý hiệu quả để duy trì các nghiệp vụ ngân hàng cơ bản, và xử lý ngân hàng. Các công cụ đó bao gồm nhưng không hạn chế ở quyền thay thế hoặc sa thải lãnh đạo cao cấp, chấm dứt hợp đồng, chuyển đổi và bán tài sản và nợ, cắt giảm hoặc chuyển đổi nợ thành vốn chủ sở hữu hoặc thành lập tổ chức bắc cầu tạm thời.
5. Có sẵn một hoặc một vài biện pháp xử lý cho phép linh hoạt trong xử lý với chi phí thấp hơn chi phí có thể phát sinh nếu áp dụng phương pháp thanh lý sau khi trừ đi phần có thể thu hồi.
6. Quy trình xử lý tuân thủ thứ tự chủ nợ đã được quy định, theo đó tiền gửi được bảo hiểm sẽ được bảo vệ khỏi việc chia sẻ tổn thất và cổ đông sẽ phải chịu tổn thất trước tiên.
7. Cơ chế xử lý không phân biệt người gửi tiền theo quốc tịch hoặc nơi cư trú.
8. Cơ chế xử lý được bảo vệ khỏi các hành động pháp lý nhằm đảo ngược quyết định liên quan đến xử lý ngân hàng phá sản. Tòa án không được đảo ngược quyết định đó. Biện pháp pháp lý nếu có thành công thì sẽ chỉ giới hạn ở việc bồi thường bằng tiền.
9. Cơ chế xử lý phải đảm bảo khoảng thời gian từ lúc người gửi tiền không thể tiếp cận với tiền của mình đến lúc thực hiện các biện pháp xử lý được lựa chọn sẽ càng ngắn càng tốt.

Nguyên tắc 15 – Chi trả cho người gửi tiền

Hệ thống BHTG cần thực hiện việc chi trả kịp thời cho người gửi tiền để góp phần ổn định tài chính. Thời điểm bắt đầu chi trả cho người gửi tiền được bảo hiểm phải được xác định một cách rõ ràng và chắc chắn. ***Tiêu chuẩn cơ bản***

²⁶ Trong tài liệu này, “xử lý” được hiểu là kế hoạch và quá trình sắp đặt cho ngân hàng phá sản. Xử lý có thể bao gồm thanh lý và chi trả tiền gửi được bảo hiểm, chuyển hoặc/và bán tài sản và nợ, thiết lập các tổ chức bắc cầu tạm thời và cắt giảm và/hoặc chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu của tổ chức phá sản. Xử lý cũng có thể bao gồm việc áp dụng các thủ tục theo Luật phá sản đối với một phần của công ty trong quá trình xử lý, cùng với việc thực hiện các quyền xử lý. Cơ chế xử lý của một nước có thể bao gồm nhiều cơ quan xử lý. Quyền xử lý cụ thể trao cho tổ chức BHTG có thể khác nhau phụ thuộc vào nhiệm vụ của tổ chức BHTG.

1. Tổ chức BHTG có thể chi trả phần lớn ²⁷ người gửi tiền được bảo hiểm trong vòng 7 ngày làm việc. Nếu hiện chưa đạt được mục tiêu này, tổ chức BHTG cần có kế hoạch đáng tin cậy để đạt được mục tiêu đó.
2. Kế hoạch chi trả đáng tin cậy phải đảm bảo:
 - (a) có khung thời gian thực hiện rõ ràng (ví dụ: trong vòng 2 năm).
 - (b) được hỗ trợ bởi luật, quy định, hệ thống, quy trình liên quan (ví dụ: sổ tay hướng dẫn can thiệp và xử lý).
 - (c) Có kết quả rõ ràng và đo lường được.
3. Trong trường hợp đã bắt đầu chi trả nhưng có sự chậm trễ kéo dài, tổ chức BHTG có thể thực hiện tạm ứng chi trả, chi trả tạm thời hoặc thanh toán từng phần khẩn cấp.
4. Để chi trả cho người gửi tiền kịp thời, tổ chức BHTG cần:
 - (a) Có thể tiếp cận hồ sơ người gửi tiền bất cứ lúc nào, bao gồm quyền yêu cầu ngân hàng lưu giữ thông tin về người gửi tiền theo định dạng mà tổ chức BHTG yêu cầu để thực hiện việc chi trả người gửi tiền được bảo hiểm.
 - (b) có quyền áp dụng các biện pháp kiểm tra trước hoặc để chuẩn bị (ví dụ: kiểm tra tại chỗ độc lập hoặc cùng với cơ quan giám sát) về độ tin cậy của hồ sơ người gửi tiền, kiểm tra hệ thống CNTT và số liệu của tổ chức thành viên để đảm bảo độ tin cậy của những hồ sơ đó; và
 - (c) có nhiều lựa chọn chi trả ²⁸
5. Tổ chức BHTG có nguồn lực và khả năng thực hiện quá trình chi trả kịp thời, bao gồm:
 - (a) có đủ nguồn lực và cán bộ được huấn luyện (cán bộ nội bộ hoặc thuê theo hợp đồng) để thực hiện chức năng chi trả và được hỗ trợ bởi tài liệu và hướng dẫn chi trả;
 - (b) hệ thống thông tin nhằm xử lý thông tin người gửi tiền một cách hệ thống và chính xác;
 - (c) các hoạt động trước sau khi đóng cửa được quy định trong tài liệu hoặc sổ tay hướng dẫn thủ tục đóng cửa ngân hàng; và
 - (d) lên kịch bản và tập dượt, bao gồm tập dượt ngân hàng đóng cửa giả định với sự tham gia của cơ quan giám sát và xử lý.
6. Việc đánh giá lại sau khi xử lý ngân hàng đổ vỡ được tiến hành để xác định và phân tích các yếu tố của quá trình chi trả (bao gồm trình tự xử lý nếu cần) là thành công hay thất bại.

²⁷ Từ “phần lớn” được dùng để ghi nhận có một số loại hình tiền gửi xét về nghiệp vụ khó có thể được chi trả trong vòng 7 ngày làm việc, ví dụ như tài khoản ủy thác với nhiều bên thụ hưởng.

²⁸ Có thể bao gồm: thanh toán séc, chuyển khoản điện tử, đại lý thanh toán, thanh toán tiền mặt, chuyển tiền gửi thông qua giao dịch P&A đối với ngân hàng bị đóng cửa.

7. Một bên độc lập kiểm toán định kỳ về quá trình chi trả để đảm bảo các biện pháp kiểm soát nội bộ phù hợp phải sẵn có.
8. Nếu áp dụng cơ chế bù trừ tiền gửi được bảo hiểm với các khoản nợ đến hạn trước đó (ví dụ: dịch vụ nợ và số nợ còn sót lại) hoặc khoản nợ đến hạn, thì việc áp dụng phải được tiến hành kịp thời và không làm chậm trễ việc chi trả kịp thời cho người gửi tiền được bảo hiểm hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định tài chính.
9. Có sẵn cơ chế hoặc thỏa thuận làm việc với các cơ quan thanh toán và tổ chức thanh lý để đảm bảo séc đang trong quá trình chờ thu được xử lý một cách phù hợp, thống nhất và kịp thời.²⁹
10. Trong trường hợp tổ chức BHTG không có quyền hành động như một cơ quan thanh lý, thì luật hoặc các quy định phải bắt buộc cơ quan thanh lý phối hợp với tổ chức BHTG để thực hiện quá trình chi trả.

Nguyên tắc 16 – Thu hồi tài sản

Theo quy định tại luật, tổ chức BHTG có quyền được thu hồi phần tiền đã bỏ ra trong quá trình chi trả hoặc xử lý ngân hàng theo thứ tự ưu tiên luật định dành cho chủ nợ.

Tiêu chuẩn cơ bản

1. Vai trò của tổ chức BHTG trong quá trình thu hồi thanh lý được quy định rõ trong luật. Tổ chức BHTG được công nhận rõ ràng là chủ nợ của ngân hàng đổ vỡ trong quá trình thanh lý tài sản của ngân hàng đó.
2. Tổ chức BHTG có cùng quyền lợi ít nhất là như chủ nợ hoặc có vai trò như một người gửi tiền trong quá trình thanh lý tài sản của ngân hàng đổ vỡ.
3. Tổ chức BHTG với vai trò chủ nợ được tiếp cận thông tin từ cơ quan thanh lý để theo dõi quá trình thanh lý.
4. Việc quản lý và bán tài sản của ngân hàng đổ vỡ trong phương pháp quản lý và thu hồi tài sản được thực hiện trên cơ sở xem xét các yếu tố thương mại và kinh tế.
5. Những bên làm việc thay mặt cho tổ chức BHTG, các thành viên khác của mạng an toàn tài chính, bên thứ ba cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp cung cấp các dịch vụ xử lý không được phép mua tài sản từ cơ quan thanh lý.

²⁹ Để có thêm hướng dẫn về đảm bảo chi trả kịp thời, xem tài liệu Hướng dẫn cập nhật của IADI về hệ thống BHTG hiệu quả: Các hệ thống và thông lệ chi trả, 2013.

PHỤ LỤC 1

Đánh giá mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống BHTG hiệu quả

Phụ lục này trình bày hướng dẫn và định dạng cho việc đánh giá tuân thủ và cấu trúc của các báo cáo đánh giá.³⁰

Đánh giá tuân thủ

Mục tiêu cơ bản của đánh giá là đánh giá mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, sau khi xem xét các yếu tố về thể chế, pháp luật và cấu trúc tổ chức mang tính quốc gia của hệ thống BHTG. Việc đánh giá cần xem xét các chức năng cần thiết trong việc tạo nên hệ thống BHTG hiệu quả chứ không phải là chỉ đánh giá tổ chức BHTG. Để thực hiện điều này, việc đánh giá sẽ phát hiện những điểm mạnh của hệ thống BHTG, bản chất và mức độ của những điểm yếu. Điều quan trọng là việc đánh giá chỉ là phương tiện chứ không phải là mục tiêu hướng tới. Quá trình đánh giá sẽ giúp cho tổ chức BHTG và các nhà hoạch định chính sách so sánh hệ thống BHTG của mình với Bộ nguyên tắc cơ bản để biết được hệ thống đáp ứng được những mục tiêu chính sách công ở mức nào. Qua đó, việc đánh giá có thể giúp tổ chức BHTG và các nhà hoạch định chính sách trong việc cải tiến hệ thống BHTG và mạng an toàn tài chính, nếu cần thiết.

Phương pháp đánh giá đưa ra một bộ các tiêu chuẩn cơ bản cho từng nguyên tắc cơ bản. Các tiêu chuẩn cơ bản là những yếu tố cụ thể dựa vào đó để đánh giá sự tuân thủ đầy đủ với một nguyên tắc cơ bản. Việc đánh giá thực hiện bởi các cơ quan hay tổ chức bên ngoài tuân theo thang 5 cấp độ như sau:³¹

- **Tuân thủ(TT):** Khi đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản mà không có thiếu sót đáng kể nào³².
- **Phần lớn tuân thủ(PTT):** Khi có chỉ có một số thiếu sót nhỏ có thể quan sát được và các cơ quan chức năng có thể đạt được sự tuân thủ hoàn toàn trong một khung thời gian nhất định.
- **Phần lớn không tuân thủ(PKT):** có những thiếu sót nghiêm trọng mà không thể sửa chữa, khắc phục một cách dễ dàng.
- **Không tuân thủ (KT):** thực tế không thực hiện nguyên tắc cơ bản

³⁰ Định dạng này được IMF và WB khuyến nghị cho người đánh giá sử dụng trong khuôn khổ Chương trình đánh giá khu vực tài chính (FSAP) hoặc các nhiệm vụ của Chương trình Trung tâm tài chính nước ngoài (OFC). Để duy trì tính tương thích và nhất quán, định dạng này cũng được khuyến nghị dùng cho trường hợp một quốc gia tự đánh giá. Xem thêm BCBS Các nguyên tắc cơ bản của giám sát ngân hàng hiệu quả, 2012.

³¹ Thang này được sử dụng cho việc đánh giá của cơ quan hay tổ chức bên ngoài trong Phương pháp luận các nguyên tắc cơ bản của Ủy ban Basel (về giám sát ngân hàng) có tại www.bis.org/publ/bsbs130.htm.

³² Để đạt được mức Tuân thủ, không nhất thiết lúc nào cũng phải tuân thủ toàn bộ các tiêu chuẩn cơ bản của một nguyên tắc. Ví dụ, nếu hệ thống BHTG tuân thủ 8 trong tổng số 9 tiêu chuẩn cơ bản của một nguyên tắc cơ bản nhưng không tuân thủ một vấn đề khá nhỏ, thì xếp hạng tuân thủ chung vẫn có thể là “Tuân thủ”. Người đánh giá phải đưa ra quyết định trong những trường hợp như vậy.

- **Không áp dụng (KA):** không được xem xét do đặc điểm thể chế, pháp lý và cấu trúc của hệ thống BHTG không phù hợp

Việc xếp hạng không phải là khoa học chính xác và các nguyên tắc cơ bản có thể được tuân thủ bằng nhiều cách khác nhau. Không nên coi các tiêu chuẩn đánh giá là một danh mục đánh dấu các điều cần tuân thủ, mà nên coi việc đánh giá là một công việc mang tính định tính. Số các tiêu chuẩn được tuân thủ và diễn giải đi kèm với mỗi tiêu chuẩn sẽ được tính trọng số trong quá trình xếp hạng mỗi nguyên tắc, tuy nhiên không phải mọi tiêu chuẩn đều có tầm quan trọng như nhau. Điều cốt yếu là những người đánh giá phải được đào tạo để áp dụng một cách nhất quán phương pháp luận đánh giá. Bộ các nguyên tắc cơ bản là tiêu chuẩn xây dựng hệ thống BHTG hiệu quả. Để thực hiện Bộ các nguyên tắc cơ bản, các tổ chức BHTG và những người hoạch định chính sách cần xem xét các yếu tố cụ thể của quốc gia.

Người đánh giá cần chú ý đến sự đầy đủ của môi trường hoạt động và đưa ra quan điểm của mình về các khoảng cách và điểm yếu trong môi trường và các hành động mà những nhà hoạch định chính sách có thể thực hiện để giảm thiểu những điểm yếu này. Việc đánh giá tuân thủ từng nguyên tắc cơ bản cần đánh dấu những nguyên tắc có thể chịu ảnh hưởng lớn từ các điều kiện bên ngoài được coi là yếu, sau khi đã tính đến các điều kiện cụ thể của quốc gia, nhiệm vụ và kết cấu của hệ thống BHTG. Tuy nhiên, người đánh giá không nên tự mình tiến hành đánh giá tuân thủ với môi trường hoạt động của hệ thống BHTG. Thay vào đó, nếu có thể, người đánh giá cần dựa vào các kết quả báo cáo FSAP gần nhất của IMF/WB, và đánh giá đồng đẳng của FSB nếu có liên quan. Nếu không có báo cáo được tiến hành gần thời điểm hiện tại, người đánh giá cần yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cung cấp những cập nhật về những thay đổi kể từ báo cáo FSAP gần nhất. Nếu không có những báo cáo về các điều kiện tiên quyết, người đánh giá cần xếp hạng “thiếu thông tin” đối với môi trường hoạt động cần đánh giá. Những khuyến nghị liên quan đến môi trường hoạt động cần đánh giá không phải là một phần của kế hoạch hành động đi kèm với bản đánh giá Bộ nguyên tắc cơ bản mà nên đưa vào các khuyến nghị chung khác nhằm tăng cường hệ thống BHTG.

Để hỗ trợ cho người đánh giá diễn giải phương pháp luận và xác định các tiêu chuẩn cơ bản có thể hoặc không thể áp dụng trong mọi loại cơ chế BHTG, quyển “Sổ tay hướng dẫn cho người đánh giá” đã được xây dựng. Tài liệu này gồm hướng dẫn hỗ trợ cho người đánh giá trong việc áp dụng các tiêu chuẩn vào điều kiện và cơ cấu cụ thể của quốc gia. Quyển sổ tay sẽ được cập nhật theo thời gian để đưa vào những kinh nghiệm và bài học rút ra từ việc thực hiện đánh giá tuân thủ.

Việc sử dụng Phương pháp luận đánh giá

Phương pháp luận có thể được sử dụng trong nhiều trường hợp: (i) tổ chức BHTG tự đánh giá; (ii) đánh giá của IMF và WB về chất lượng các hệ thống BHTG, ví dụ trong

FSAP hoặc các dự án hỗ trợ kỹ thuật (TA); iii) đánh giá đồng đẳng, ví dụ những đánh giá được thực hiện trong các ủy ban khu vực IADI hoặc thông qua quá trình đánh giá đồng đẳng của FSB; và iv) đánh giá do bên thứ ba tư nhân thực hiện, ví dụ các công ty tư vấn. IADI sẽ chủ động tham gia diễn giải Bộ nguyên tắc cơ bản và tổ chức đào tạo; bao gồm các thông lệ tốt nhất trong quá trình đánh giá.

Trong năm 2013, IADI đã thành lập Chương trình hỗ trợ kỹ thuật tự đánh giá (SATAP) cho phép các quốc gia yêu cầu đánh giá độc lập tại hiện trường và công nhận kết quả tự đánh giá bởi một nhóm chuyên gia của IADI. Các đánh giá như vậy sẽ rất hữu ích với các quốc gia để chuẩn bị cho việc đánh giá FSAP trong tương lai.

Cho dù được tiến hành bởi một tổ chức BHTG (tự đánh giá) hoặc tổ chức bên ngoài, việc đánh giá hoàn toàn khách quan vẫn đề tuân thủ các nguyên tắc cơ bản nên được thực hiện bởi các bên có đủ năng lực phù hợp, những người có thể mang tới những quan điểm đa dạng khác nhau vào quá trình đánh giá. Sẽ rất có lợi nếu các bên đánh giá quy tụ được những cá nhân có năng lực phù hợp, bao gồm các cá nhân có kinh nghiệm làm việc trong hệ thống bảo hiểm tiền gửi và những người có kinh nghiệm xử lý các ngân hàng phá sản. Việc đánh giá công bằng cho hệ thống BHTG cũng đòi hỏi sự hợp tác thực sự của tất cả các cơ quan liên quan. Quá trình đánh giá cho từng nguyên tắc trong bộ 16 những nguyên tắc cơ bản đòi hỏi những nhận định đánh giá có trọng số với rất nhiều yếu tố, do đó chỉ những người đánh giá có năng lực với kinh nghiệm thực tế liên quan mới có thể thực hiện được. Về việc đánh giá đòi hỏi phải có hiểu biết về pháp lý và kế toán trong việc diễn giải mức độ tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, những diễn giải về pháp lý và kế toán phải được quy chiếu tới đặc điểm cấu trúc về pháp lý và kế toán ở thể chế quốc gia hiện đang đánh giá. Việc đánh giá phải toàn diện và đủ sâu để cho phép đánh giá các tiêu chuẩn được thực hiện trong thực tế, không chỉ trong lý thuyết. Tương tự như vậy, hệ thống pháp luật và các quy định cần phải được xây dựng một cách đầy đủ về phạm vi và chiều sâu. Các cơ quan điều tiết, cơ quan giám sát và tổ chức BHTG cần thực thi và tuân thủ một cách hiệu quả hệ thống pháp luật và quy định. Cuối cùng, việc đánh giá tuân thủ các nguyên tắc cơ bản nên được xây dựng trên cơ sở các kết quả báo cáo mới được thực hiện trong các lĩnh vực tương tự, chẳng hạn như FSAP.

Báo cáo đánh giá

Báo cáo đánh giá phải bao hàm các nội dung sau:

- Phần Giới thiệu chung cung cấp thông tin nền tảng về việc tiến hành đánh giá, gồm thông tin về tổ chức được đánh giá và bối cảnh tiến hành đánh giá.
- Phần thông tin và phương pháp luận được sử dụng trong đánh giá.
- Tổng quan về bối cảnh thể chế và kinh tế vĩ mô, kết cấu thị trường.
- Tổng quan môi trường phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả.

- Bảng đánh giá tuân thủ, tóm lược các kết quả đánh giá (Bảng 1)
- Khuyến nghị kế hoạch hành động bao gồm những gợi ý các hành động và biện pháp cho từng nguyên tắc nhằm mục đích cải thiện hệ thống bảo hiểm tiền gửi và các thông lệ (Bảng 2).
- Nội dung đánh giá chi tiết từng nguyên tắc, đưa ra bản mô tả hệ thống BHTG trình bày từng nguyên tắc cụ thể, một phần nội dung cho điểm hoặc “đánh giá”, và một phần “nhận định” (Bảng 3).
- Phần ý kiến đóng góp của các cơ quan.

BẢN DỊCH CỦA DIVIA HỢP TÁC QUỐC TẾ BHTGVN

Bảng đánh giá tuân thủ và tóm lược

<p>Bảng 1</p> <p>Tóm lược đánh giá tuân thủ Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả của IADI</p> <p>Chi tiết nội dung đánh giá</p>
--

Nguyên tắc cơ bản	Mức độ tuân thủ	Nhận xét
Tham chiếu nguyên tắc cơ bản 1	TT, PTT, PKT, KT, KA ³³	
Nhắc lại tương tự với tất cả 16 nguyên tắc cơ bản	TT, PTT, PKT, KT, KA	

<p>Bảng 2</p> <p>Khuyến nghị Kế hoạch hành động để nâng cao mức độ tuân thủ Các nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả của IADI</p>	
Nguyên tắc tham chiếu	Khuyến nghị hành động
Nguyên tắc cơ bản 1	Mô tả sự thiếu sót Đề xuất quá trình hành động
Nguyên tắc cơ bản 2	Mô tả sự thiếu sót Đề xuất quá trình hành động
Nhắc lại tương tự với tất cả các nguyên tắc cơ bản với khuyến nghị hành động	Mô tả sự thiếu sót Đề xuất quá trình hành động

<p>Bảng 3</p> <p>Bộ nguyên tắc cơ bản phát triển hệ thống bảo hiểm tiền gửi hiệu quả</p> <p>Bảng đánh giá chi tiết</p>	
Nguyên tắc cơ bản 1: (Lặp lại nguyên văn nguyên tắc cơ bản 1)	
Mô tả	
Đánh giá	TT, PTT, PKT, KT, KA

³³ Tuân thủ (TT), Phần lớn tuân thủ (PTT), Phần lớn không tuân thủ (PKT), Không tuân thủ (KT), Không áp dụng (KA)

Nhận xét	
Đối với mỗi tiêu chí cơ bản:	
Mô tả	
Đánh giá	TT, PTT, PKT, KT, KA
Nhận xét	
Nhắc lại tương tự với tất cả 16 nguyên tắc cơ bản ³⁴	

Khuyến nghị thực tiễn khi đánh giá tuân thủ

Ngoài định dạng để tiến hành đánh giá việc tuân thủ, cần cân nhắc và xem xét các điểm sau:

1. Người thực hiện đánh giá phải có quyền tiếp cận một loạt các thông tin và các bên có quan tâm tới các thông tin đó. Đó có thể là những thông tin được công bố, những thông tin nhạy cảm (như kết quả tự đánh giá đã hoàn thành trước đó, thông tin về tình hình hoạt động của các tổ chức tham gia bảo hiểm cũng như kết quả kiểm tra giám sát), và hướng dẫn hoạt động cho các tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Thông tin này phải được cung cấp cho người đánh giá nếu không có quy định tổ chức BHTG phải bảo mật thông tin mật này.. Người đánh giá cũng nên gặp gỡ các cá nhân và tổ chức, bao gồm cả những tổ chức thành viên mạng an toàn tài chính và các bộ ngành chính phủ có liên quan, các ngân hàng thương mại và tổ chức kiểm toán. Phải đặc biệt ghi chú lại những trường hợp khi không được cung cấp những thông tin đã yêu cầu. , cũng như những ảnh hưởng mà việc thiếu thông tin này có thể gây ra tới tính chính xác của việc đánh giá. Những người thực hiện đánh giá nên chuẩn bị trước những yêu cầu về thông tin cần thu thập từ các cơ quan liên quan, và tại cuộc họp ban đầu với các cá nhân liên quan, nên giải thích cách thức tiến hành đánh giá, bao gồm cả quá trình đánh giá môi trường hoạt động.
2. Việc đánh giá mức độ tuân thủ từng nguyên tắc cơ bản đòi hỏi phải đánh giá một chuỗi các yêu cầu liên quan, chẳng hạn như các luật, quy định bảo đảm an toàn và hướng dẫn giám sát. Việc đánh giá phải đảm bảo rằng các yêu cầu này đang được

³⁴ Người đánh giá nên xếp hạng cho mỗi tiêu chí cơ bản. Tuy nhiên, hạng đánh giá đối với mỗi tiêu chí không nhất thiết phải được đề cập trong các báo cáo Báo cáo về tuân thủ các tiêu chuẩn và bộ mã của FSAP xây dựng cho các tổ chức

áp dụng trong thực tiễn hoặc có thể được đưa vào thực tiễn. Ví dụ, những nhà hoạch định chính sách phải đảm bảo rằng tổ chức BHTG có sự độc lập hoạt động, kỹ năng và nguồn lực cần thiết để thực hiện mục tiêu chính sách công đã được giao.

3. Ngoài việc xác định những thiếu sót, việc đánh giá cũng nên chỉ ra được những đặc điểm tích cực và những thành tựu quan trọng.
4. Việc phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các thành viên trong mạng an toàn tài chính cũng rất cần thiết cho hoạt động hiệu quả của hệ thống BHTG. Người thực hiện đánh giá cần có khả năng nhận định việc chia sẻ thông tin có diễn ra không. Tùy thuộc vào bản chất của hoạt động ngân hàng xuyên biên giới, người thực hiện đánh giá cần có khả năng nhận định có hay không việc chia sẻ thông tin giữa các tổ chức BHTG và các thành viên khác trong mạng an toàn tài chính ở các quốc gia liên quan.

BẢN DỊCH CỦA DIVIA HỢP TÁC QUỐC TẾ

PHỤ LỤC 2

Các thành viên Ban chỉ đạo IADI và Nhóm làm việc chung

Ban chỉ đạo IADI

Chủ tịch	David Walker Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Canada
Điều phối viên	Vijay Deshpande Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ
Argentina	Alejandro Lopez Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Argentina
Bulgaria	Rossen Nikolov Quỹ bảo hiểm tiền gửi Bulgari
Canada	Joshua Lattimore Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Canada
Colombia	María Inés Agudelo Quỹ bảo đảm các tổ chức tài chính Colombia
Pháp	Thierry Dissaux Quỹ bảo hiểm tiền gửi Pháp
Đức	Dirk Cupei Hiệp hội các ngân hàng Đức Jan Nolte Hiệp hội các ngân hàng Đức
Hungary	András Fekete- Gyor Quỹ bảo hiểm tiền gửi quốc gia
Ấn Độ	Kumudini Hajra Quỹ bảo hiểm tiền gửi và bảo lãnh tín dụng
Nhật	Katsuyuki Meguro Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Nhật
Jordan	Jumana Hamed Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Jordan
Kazakhstan	Bakhyt Mazhenova Quỹ bảo hiểm tiền gửi Kazakhstan
Hàn Quốc	Keehyun Park

	Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Hàn Quốc
Malaysia	JP Sabourin Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Malaysia Kevin Chew Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Malaysia
Mexico	Raúl Castro Cơ quan bảo vệ tiết kiệm ngân hàng Mexico
Nigeria	Ade Afolabi Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Nigeria
Ba Lan	Anna Trzecinska Quỹ bảo lãnh ngân hàng
Thụy Sĩ	Patrick Loeb Cơ quan bảo vệ người gửi tiền Thụy Sĩ
Anh Quốc	Alex Kuczynski Cơ quan bồi thường các dịch vụ tài chính
Mỹ	David Hoelscher Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ
Zimbabwe	John Chikura Tổng công ty bảo vệ tiền gửi Zimbabwe

Các thành viên khác hoặc các quan sát viên

Đài Loan Trung Quốc	Yvonne Fan Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Đài loan
Indonesia	Salusra Satria Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Indonesia
Kenya	Rose Detho Quỹ bảo vệ tiền gửi Kenya
Mexico	Eugenia Kuri Cơ quan bảo vệ tiết kiệm ngân hàng Mexico
Mỹ	Maisha Goss-Johns Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ

Ban thư ký

Ba Lan	Tomasz Ozimek Quỹ bảo đảm ngân hàng
Mỹ	Taryn Jones Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ

Nhóm làm việc chung

I. Đại diện IADI

Chủ tịch	David Walker Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Canada
Điều phối viên	Vijay Deshpande Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ
Colombia	María Inés Agudelo Quỹ bảo đảm các tổ chức tài chính Colombia
Jordan	Jumana Hamed Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Jordan
Malaysia	JP Sabourin Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Malaysia
	Kevin Chew Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Malaysia
	Yee Ming Lee Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Malaysia
Ba Lan	Anna Trzecinska Quỹ bảo đảm ngân hàng
Anh Quốc	Alex Kuczynski Cơ quan bồi thường các dịch vụ tài chính
Mỹ	David Hoelscher Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi liên bang Mỹ
Zimbabwe	John Chikura

Tổng công ty bảo vệ tiền gửi

II. Đại diện của EFDI

Đức	Dirk Cupei Hiệp hội ngân hàng Đức
Hungary	András Fekete_ Gyor Quỹ bảo hiểm tiền gửi quốc gia
Luxembourg	Joseph Delhaye Hiệp hội bảo đảm tiền gửi Luxembourg
Thụy Sĩ	Patrick Loeb Cơ quan bảo vệ người gửi tiền Thụy Sĩ

III. Các tổ chức quốc tế

Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng	Karl Cordewener Nik Faris Nik Sallahuddin
Ủy ban Châu Âu	Sven Gentner
Ủy ban ổn định tài chính	Eva Hupkes
Quỹ tiền tệ quốc tế	David Parker Sven Stevenson
Ngân hàng thế giới	Claire McGuire David Scott Jan Nolte

Tài liệu tham khảo

- Basel Committee on Banking Supervision (BCBS), Core Principles for Effective Banking Supervision, Basel, 2012. <http://www.bis.org/publ/bcbs230.pdf>
- Basel Committee on Banking Supervision (BCBS) and International Association of Deposit Insurers (IADI), Core Principles for Effective Deposit Insurance Systems, Basel, 2009. <http://www.iadi.org/index.html>
- Financial Stability Board (FSB), Key Attributes of Effective Resolution Regimes for Financial Institutions, Basel, October 2011. http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_111104cc.pdf
- , Consultative Document: Assessment Methodology for the Key Attributes of Effective Resolution Regimes for Financial Institutions, Basel, August 2013. http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_130828.pdf
- , Thematic Review on Deposit Insurance Systems – Peer Review Report, Basel, February 2012. http://www.financialstabilityboard.org/publications/r_120208.pdf
- Financial Stability Forum (FSF), Report of the Financial Stability Forum on Enhancing Market and Institutional Resilience, Basel, 2008. http://www.fsforum.org/publications/r_0804.pdf
- , Guidance for Developing Effective Deposit Insurance Systems: Final Report of the Working Group on Deposit Insurance, Basel, 2001. http://www.iadi.org/docs/FSF_Final_Report.pdf
- International Association of Deposit Insurers (IADI), Draft Discussion Paper on Deposit Insurance Coverage, Basel, 2008. http://www.iadi.org/docs/IADI%20Draft%20Discussion%20Paper%20on%20Deposit%20Insurance%20Coverag_Basel_2008a.pdf
- , Cross Border Deposit Insurance Issues Raised by the Global Financial Crisis, Basel, 2011a. http://www.iadi.org/docs/IADI_CBDI_Paper_29_Mar_2011_%28Final_for_publication%29.pdf
- , Deposit Insurance from a Shariah Perspective, Basel, 2010. http://www.iadi.org/docs/DPDI_From_Shariah_Perspective_%28Final%29_Sep2011_to_IADI.pdf
- , Draft Discussion Paper on Effective Deposit Insurance Mandates, Basel, 2007. http://www.iadi.org/docs/IADI%20Draft%20Discussion%20Paper%20on%20Effective%20Deposit%20Insurance%20Mandate_Basel_2007a.pdf
- , Enhanced Guidance for Effective Deposit Insurance Systems: Deposit Insurance Coverage, Basel, 2013a. http://www.iadi.org/docs/IADI_Coverage_Enhanced_Guidance_Paper.pdf
- , Enhanced Guidance for Effective Deposit Insurance Systems: Mitigating Moral Hazard, Basel, 2013b. http://www.iadi.org/docs/IADI_Mitigating_Moral_Hazard_Enhanced_Guidance_2013-05.pdf
- , Enhanced Guidance for Effective Deposit Insurance Systems: Public Awareness of Deposit Insurance Systems, Basel, 2013c. http://www.iadi.org/docs/IADI-Public_Awareness_Enhanced_Guidance_Paper.pdf
- , Enhanced Guidance for Effective Deposit Insurance Systems: Reimbursement Systems and Practices, Basel, 2013d. http://www.iadi.org/docs/IADI-Reimbursement_Enhanced_Guidance_Paper.pdf
- , Financial Inclusion and Deposit Insurance, Basel, 2013e. http://www.iadi.org/docs/201306_Financial_Inclusion_and_Deposit_Insurance_publication-clean.pdf

———, General Guidance for Developing Differential Premium Systems (update), Basel, 2011b. http://www.iadi.org/docs/IADI_Diff_prem_paper_FINAL_updated_Oct_31_2011_clean_version.pdf

———, General Guidance for Developing Effective Reimbursement Systems and Processes, Basel, 2012. http://www.iadi.org/docs/IADI_Guidance_paper-Developing_Effective_Reimbursement_Systems_and_Processes-Final_201210_%282012-12_to_IADI%29.pdf

———, General Guidance on Early Detection and Timely Intervention for Deposit Insurance Systems, Basel, 2013f. http://www.iadi.org/docs/2013_06_Early_Detection_Timely_Intervention-publication_final.pdf

———, Guidance on the Establishment of a Legal Protection Scheme for Deposit Insurance Systems, Basel, 2010. http://www.iadi.org/docs/IADI_Final_Guidance_Paper_Legal_Protection_26Feb2010.pdf

———, General Guidance for the Resolution of Bank Failures, Basel, 2005b. http://www.iadi.org/docs/Guidance_Bank_Resol.pdf

———, Guidance on Public Awareness of Deposit Insurance Systems, Basel, 2009a. http://www.iadi.org/docs/Public%20Awareness%20Final%20Guidance%20Paper%206_May_2009.pdf

———, Guidance on the Funding of Deposit Insurance Systems, Basel, 2009b. http://www.iadi.org/docs/Funding%20Final%20Guidance%20Paper%206_May_2009.pdf

———, Guidance on the Governance of Deposit Insurance Systems, Basel, 2009c. http://www.iadi.org/docs/Governance%20Final%20Guidance%20Paper%206_May_2009.pdf

———, General Guidance to Promote Effective Interrelationships Among Safety-Net Participants, Basel, 2006. http://www.iadi.org/docs/Guidance_Interrelationship.pdf

———, Key Conclusions of the APEC Policy Dialogue on Deposit Insurance and IADI Guidance Points, Basel, 2005c. http://www.iadi.org/docs/IADI_APEC_Guidance.pdf

———, Transitioning from a Blanket Guarantee or Extended Coverage to a Limited Coverage System, Basel, 2012. http://www.iadi.org/docs/Transitioning_Paper_29March2012_Final_for_Publication_1.pdf

Parker, David C., Closing a Failed Bank: Resolution Practices and Procedures, International Monetary Fund, Washington, D.C., 2010. <http://www.imf.org/external/pubs/cat//longres.cfm?sk=24004.0>

Hiệp hội Bảo hiểm tiền gửi Quốc tế (IADI)



BỘ NGUYÊN TẮC CƠ BẢN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI HIỆU QUẢ

Tháng 11 năm 2014

(Đơn vị chuyên ngữ: Phòng NCTH&HTQT, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam)